

# PHẬT TỔ THỐNG KỶ

## QUYỂN 45

### PHẦN 12

*Đời Nhân Tông* (Con thứ sáu của Chân Tông - Mẹ là Thần phi Lý thị mộng thấy hai mặt trời ở trên không, một mặt trời bồng nường vào vạt áo mà rơi xuống, thị thọ thai. Ngày mười bốn tháng tư là tiết Càn Nguyên - Chôn ở Lăng Vĩnh Châu).

Năm Thiên Thánh thứ nhất, vua thường đội mũ Ngọc Quan. Vua mài ngọc làm tượng Quan Âm. Các quan tả hữu đem ngọc xin đổi. Vua nói: “Tam công bá quan tập họp dưới đây đều là bậc anh tài trong thiên hạ. Trẫm đâu dám sánh, chỉ vì đạo vua tôi nên không thể không phân biệt. Trẫm đội mũ này là để trả lễ cho Đại sĩ” (Trịnh Thị Gia Tập).

Vua ra lệnh cho quan Nội Thị Dương Hoài Cổ mang hương vào chùa Linh Sơn ở Thiên Trúc cầu phước cho nước. Ngài Từ Vân Thức Pháp sư xin vua cho giáo văn Thiên Thai được nhập Tạng, Hoài Cổ bèn tâu vua.

Nước Chú Liên ở Nam Hải sai Sứ đến triều dâng kinh Phạm Kim Diệp Thiên Trúc, vua ra chiếu mời ngài Tam tạng Pháp Hộ dịch bộ ấy.

Ngài Diên Khánh Pháp Trí Pháp sư ở Tứ Minh đem giáo nghĩa khảo thí đồ chúng gọi là Mở Túi Thơm Kinh Tứ Thập Nhị Chương, đến nay vẫn dùng định pháp ấy.

Năm Thiên Thánh thứ hai, vua ra chiếu cho Giáo văn Thiên Thai nhập Tạng và ban một trăm lượng bạch kim, cúng trai phạm ngàn chúng ở Linh sơn. Ngài Từ Vân soạn Giáo Tạng Tùy Hàm Mục Lục, soạn thuật trước tác về Đại Nghĩa các bộ.

Ở Tứ Minh có Danh Nho Vệ Khai đến Lạc Dương du học gặp Đạo sĩ Lý Sĩ Ninh đi ngược lại, gọi ông bảo rằng: “Ở thành Giới Hương, quê ông có cô gái câm, quá khứ là Phật Duy-vệ, khi trở về nhớ đến lễ bái”. Ông hỏi hình dạng, thì đáp: “Rút tay quét đất là đó.” Khi trở về, Khai

liền đến chùa hỏi thăm, có vị Lão Ni nói: “Thánh Cô đã ngộ hóa hơn một năm rồi”. Nhân đó ông đến trước hình tượng của Ni Sư đốt hương đánh lễ, lấy làm hối tiếc không được thấy tôn dung. Năm sau, Vệ Khai sang Tiền Đường ngủ trọ tại nhà của Thư lại Trần Thức, bỗng thấy một đứa bé khoảng mười tuổi ẵm một bé Ni vào cửa, kêu lớn rằng: “Bé gái câm, bé gái câm”. Vệ Khai kinh hãi nhìn lại, cô bé liền đòi giấy viết kệ rằng:

*Đại địa sơn hà là những gì?  
Hiểu không một pháp để tư duy  
Đêm nghe mọi chỗ khua chuông trống  
Địch phá đầu lâu chẳng liễu tri.*

Sau bài kệ lại viết “Vô khứ lai.” Vệ Khai đến lễ dưới chân, kể qua việc ở Giới Hương được chiêm lễ di tượng. Cô bé lại viết kệ rằng:

*Trên Tu-di gõ mõ  
Đáy đại dương lắc chuông  
Bé câm hỏi tên họ  
Tiện đây liền biết rõ.*

Rồi bước ra cửa mà đi. Khai vội chạy theo hỏi đứa bé: “Cô gái câm là ai?” Đứa bé nói: “Là Phật Duy-vệ”. Lại hỏi đứa bé là ai, bé bảo: “Hãy hỏi cô gái câm, rồi biến mất”.

Chí Bàn tôi có lúc đến Dũng Đông. Sư Thê Tâm Nguyên Diệu được một bản văn xưa trong hòm sách, bèn nhớ lại cô gái câm Cổ Phật mà không ai biết. Nhân đó soạn bài ký Giới Hương Duy-vệ Cổ Phật. Rồi Sư Nguyên Diệu đem bài ấy về chùa. Vương Sư Lượng khiến khắc đá bài Ký để trong chùa có đề tên là Danh Thắng. Xét Kinh Tạng thì Duy-vệ cũng gọi là Tỳ-bà-thi, Hán dịch là Thắng Quan, để gọi về Tam Quán thắng diệu nhất, tức quán tất cả pháp đều là lý tam đế.

Lý Sĩ Ninh ở đất Thục là người có Đạo đức, được cái gương xưa của Hiên Viên trong động đá mà thấy được gần xa. Học sĩ Thái Quân Mô nghe nói mà ghét. Một tối nọ mộng thấy bị hổ đuổi bắt có người đến cứu, bảo Quân Mô rằng: “Ông là người sang trọng chỉ có xương đầu chưa ngay”. Bèn lấy tay nắn lại. Khi tỉnh giấc thì đầu còn đau. Sáng hôm sau thì Lý Sĩ Ninh đến yết kiến, liền thấy đúng là người trong mộng đã cứu mình. Sau ra làm Quan Thú ở Mân Trung, Sĩ Ninh lại đến gặp, Quân Mô bảo rằng: “Từ lâu bị bệnh mắt, đêm mộng thấy Đức Long Thọ Bồ-tát là sao?” Sĩ Ninh liền lấy trong tay áo ra bức tượng thì thấy đúng là người trong mộng, hai mắt liền sáng ra, thấy được như cũ (thấy trong Lý Bích Chú Kinh Công Thi. Sĩ Ninh có rất nhiều thần dị,

Kinh Công và Âu Dương Công đều có thi ca ngợi.

Sa-môn Ái Hiền Hộ Hiền ở Tây Thiên đến Triều dâng tặng kinh Phạm lá bối. Vua ban cho Tử y.

Năm Thiên Thánh thứ ba, trước đó đầu năm Thiên Hy, vua ra chiếu trong thiên hạ nên lập lại ao phóng sinh, ngài Nam Hồ Pháp Trí Pháp sư ở Tứ Minh, mỗi khi vào ngày Phật đản, ngài thường tập chúng hành pháp, thả chim cá để chúc Thánh. Năm đó Quận đem việc tâu, vua ra lệnh cho Khu Mật Lưu Quân soạn văn để làm ghi nhớ. Quận Thú Tăng Hội lập bia ở cửa chùa (Văn thấy trong Quang Giáo Chí). Một hôm Sư mộng thấy Thần Già-lam đến bảo rằng: “Sáng mai Tướng Công đến”. Rồi Tăng Hội dắt con là Công Lượng vào chùa. Sư bèn đem mộng thuật lại. Bà mẹ tạ ân rằng: “Sau này được tôn quý không dám quên”. Đến khi Công Lượng vào làm Thừa Tướng bèn mua ruộng đất mở mang nhà cửa để hằng năm độ Tăng Đồ (có người nói Tăng Tướng Công bỏ ruộng đất để chép Giáo Hạnh Lục).

Hàn lâm học sĩ Hạ Tùng Đồng, Tam tạng Duy Tịnh... dâng lên vua Kinh mới dịch cả âm nghĩa được bảy mươi quyển. Phán Đô Tĩnh Mã Lượng nói rằng Đạo Phật cao quý là thầy của hàng trời người, xin không được thu độ những kẻ đã từng xúc phạm chân hình cho đến kẻ văn thân, vua ban chiếu chấp thuận.

Năm thứ năm, ngài Tam tạng Duy Tịnh dâng lên vua hai bao Mục Lục Đại Tạng Kinh, vua đặt tên là Thiên Thánh Thích Giáo Lục, gồm sáu ngàn một trăm chín mươi bảy quyển.

Ở chùa Thiên trúc tại Hàng Châu, đêm rằm tháng bảy tháng tám, trời mưa hạt quế, ngài Từ Vân Pháp sư đem gieo trồng trên đất và làm thi để ghi việc.

Năm thứ sáu, vua viết bài Tam bảo Tán ban cho quan Tế Tướng và Dịch Kinh Viện.

Ngài Nam Hồ Pháp Trí Pháp sư ở Tứ Minh vào Tiết Nguyên Đán tu Quang Minh Sám kỳ hạn năm ngày ngồi kiết già mà thuyết pháp. Bổng niệm A-di-đà Phật mấy trăm tiếng rồi an nhiên mà hóa. Để trần khảm của ngài bảy ngày mà nhan sắc vẫn như còn sống, móng và tóc mọc dài ra. Đến ngày trà-tỳ thì mùi hương lạ ngào ngạt, xá-lợi nhiều vô số, cuống lưỡi vẫn còn nguyên như hoa sen.

Năm thứ bảy, vua ra lệnh ở Kinh sư cất lớn chùa Từ Hóa, gọi Tế Tướng bảo rằng: “Đây là vì Tiên Đế mà dốc hết sức làm phước. Từ nay về sau vô cơ không được lập Đàn khiến tổn hao sức người sức của”.

Năm thứ chín, vua ban sắc khiến quan thú Thiều Châu đến chùa

Nam Hoa ở núi Bảo Lâm đón rước y bát của Lục Tổ vào Cung Khuyết ở Kinh sư để cúng dường và rước thờ tại Thanh Tịnh đường trong Đại nội. Lại ban sắc cho Binh Bộ Thị Lang Yến Thù soạn bài ký Lục Tổ Y Bát.

Viện Truyền Pháp tâu vua rằng Sa-môn Hoài Vấn có lần đến Thiên Trúc vì Chân Tông Hoàng Đế xây tháp ở bên tòa Kim Cang của Phật, nay lại muốn đến vì Hoàng Thái Hậu của Kim Thượng xây thêm hai Tháp. Lại xin vua ban cho Thánh Giáo của Tiên Triều, Thái Hậu phát nguyện khắc đá văn và bài Tam Bảo Tán của Thánh Thượng để khắc đá đặt dưới Tháp và may Y Ca-sa để thờ tượng Đức Thích-ca. Vua ban chiếu chấp thuận. Lại khiến Từ Thần soạn bài ký “Sa-môn Hoài Vấn ba lần đến Tây Thiên.”

Thuở xưa, vua Thái Tổ nghi rằng Phật của Tuyên Luật Sư dâng tặng không phải răng thật, bèn sai Sứ lấy lửa dữ ở Lạc Dương đem nung thì sắc vẫn không đổi, vua kính sợ thần dị bèn làm bài Phát Nguyện Văn. Đến triều vua Thái Tông lại đem lửa thử nghiệm, rồi cũng viết bài kệ tán để bày tỏ lòng kính thành (thấy trong Tam Triều Ngự Chế Bi). Nhân đó rước răng Phật vào thờ tại Viện Pháp Hoa ở chùa Tướng Quốc. Vua Chân Tông có lần rước răng cúng tại tháp Linh Cảm ở chùa Khai Bảo. Buổi tối chiêm lễ thì có ánh sáng lạ chiếu sáng lò, bèn viết bài kệ tán (thấy trong Tam Triều Ngự Chế Bi). Vua nhân việc đáng kính của ba Triều đại mà rước răng Phật vào thờ tại Cung Cấm, dùng nước hoa Tường vi mà rửa (trích từ ba Đức Phật ở Nam Hải của nước Tề hương thơm ngào ngạt dị thường). Bỗng được một hạt xá-lợi ngũ sắc chói ngời từ trong hang rơi ra, vua bèn viết bài tán. Dùng chén vàng hai lớp mà đựng, rồi rước răng trả về chùa cũ. Trong bài tán có câu rằng:

*Tam Hoàng thân thể đều về đất  
Ngũ Đế hình hài cũng bụi trần  
Khổng Tử trong mộ khoe là Thánh  
Lão Quân trên đời vẫn gọi chân.  
Thân rồi tan rã nơi mồ trống  
Còn đâu để chỉ đám hậu nhân  
Chỉ có thầy ta xương vàng rắn  
Nung đốt bao phen vẫn mới nguyên.*

**Bàn rằng:** Đạo Phật là Đại đạo, thân Phật là Chân thân. Nói Đại đạo thì trùm khắp pháp giới không giống như Khổng Lão chỉ có ở một cõi một vùng. Nói Chân thân thì thường trụ bất diệt, không giống như Khổng Lão vẫn còn sinh tử. Nói về xá-lợi răng Phật là Chân thân ứng

hiện nơi vật để chỉ bày giáo hóa, há nước lửa thế gian mà hủy hoại được sao? Vua Nhân Tông đem sự quý kính của ba Triều mà riêng làm bài tán văn, nhưng khắp chê các Đế Hoàng và Tổ Tông của Nho và Lão Giáo vì họ chỉ dùng đạo Nhân nghĩa và pháp Thanh tịnh để dạy cho người trong nước tạo phước Nhân Thiên mà thôi. Không phải như đạo Phật có khả năng dạy người xuất thế. Song ở đạo Nho, đạo Lão chẳng rời thân này nên có thể làm theo việc ấy. Còn Đạo Phật lấy việc xuất thế ở vị lai làm gốc. Xem lời vua nói thì biết lời gần mà ý xa.

Năm Minh Đạo thứ nhất, ngày một tháng mười, ngài Thiên Trúc Từ Vân Pháp sư ngồi nói pháp mà hóa. Người thấy có sao lớn sa trên ngọn Thụ Phong, ánh sáng đỏ rực. Sư là người ở triều trước đã dâng vua Kim Quang Minh Hộ Quốc Nghi. Vua nhân xem đến Phát Nguyễn Văn có câu “Chư Thiên oai thần hộ trì nước ta, vua chúa nhân từ vô bờ bến”, bèn vỗ ghế than rằng: “Trẫm có được người này mà dùng để cai trị nhân dân”, bèn gấp triệu vào kinh thì Sư đã nhập diệt.

Năm thứ hai, tháng bảy, ở Nam Hồ Tứ Minh, rước xá-lợi ngài Pháp Trí Pháp sư chôn ở Tổ Quan tại viện Sùng Pháp ở Nam Thành.

Năm Cảnh Hựu thứ nhất, Tham Tri Chánh Sự Vương Tùy san định Cảnh Đức Truyền Đăng Lục còn mười lăm quyển, Viện Truyền Pháp biên chép cho nhập tạng.

Vua ra chiếu trong thiên hạ cho các cô cậu bé thi tụng kinh Pháp Hoa ai trúng tuyển thì được độ. Lại sai Tham Chánh Tông Thụ và Hạ Tùng cùng giám sát. Khi thi Kinh có cậu bé không qua được kỳ thi Kinh, hỏi đã học tập được mấy năm? Đáp là đã mười năm. Hai ông cùng cười bảo là đáng tiếc! Hai ông cùng hẹn về lấy Kinh ra học thuộc lòng, thì Thụ trong mười ngày, Tùng chỉ bảy ngày là đọc thuộc lòng không sót một chữ (Quy Điền Lục). Năm ấy trong thiên hạ có ba mươi tám vạn năm ngàn năm trăm hai mươi vị Tăng và bốn vạn tám ngàn bảy trăm bốn mươi vị Ni.

Năm thứ hai, vua viết tựa Thiên Trúc Tự Nguyên ban cho Viện Dịch Kinh. Sách ấy là ngài Pháp Hộ Duy Tịnh dùng hai thứ tiếng Hoa và Phạm đối nhau dịch làm bảy quyển (tự điển Hoa Phạm). Việc học đọc tiếng Phạm thực sự bắt đầu từ đây. Bài tựa ấy nói rằng: Phiên dịch trình bày thì có Thiên Tức Tai... năm vị Tam tạng (có bốn vị người Tây Vực là Thiên Tức Tai, Thi Hộ, Pháp Hiền, Pháp Hộ và một vị người Trung Quốc là Duy Tịnh), còn bút thợ chuyết văn và chứng nghĩa thì từ ngài Pháp Tấn đến ngài Tuệ Đăng có bảy mươi chín vị. Ngũ Thiên Trúc cống hiến kinh Phạm và Phạn Tăng từ ngài Pháp Quân đến ngài

Pháp Xứng có tám mươi vị. Các Tăng ở cõi này đi thỉnh kinh trở về từ Từ Hàn đến Thế Bí có đến một trăm ba mươi tám vị, kinh Phạm có đến một ngàn bốn trăm hai mươi tám bản dịch thành năm trăm sáu mươi bốn quyển.

Tháng mười một, vua ban chiếu cho Khổng Tông Nguyên được tập phong chức Văn Tuyên Công.

Năm thứ ba, Phò Mã Đô Úy Lý Tuân Úc mở rộng Truyền Đăng Lục thành ba mươi quyển dâng lên vua, vua đặt tên là Thiên Thánh Quảng Đăng Lục, chính vua viết lời tựa.

Hữu Bộc Xạ Dịch Kinh Nhuận Văn sứ Lữ Di Giản, Tham Tri Chánh Sự Nhuận Văn quan Tông Thụ tâu vua rằng: Dâng chiếu vua tiếp tục sửa Pháp Bảo Lục, từ năm Tường Phù thứ tư đến nay là năm Cảnh Hựu thứ ba, biên chép thành một trăm sáu mươi một quyển, xin căn cứ vào quy chế cũ, xin vua viết cho bài Tựa. Năm thứ tư, vua viết bài tựa Cảnh Hựu Tân Tu Pháp Bảo Lục và cho nhập Tạng.

Năm Bảo Nguyên thứ hai, tháng năm, ngài Hoài Ván ba lần đi Tây Thiên cùng các Sa-môn Đắc Tế, Vĩnh Định, Đắc An từ nước Ma-kiệt-đà ở Trung Thiên Trúc trở về, dâng lên vua xá-lợi Phật, kinh Phạm và nhiều hạt cùng lá các cây Bồ-đề, Vô Ưu, hạt chuỗi Bồ-đề và mười chín tấm bia ở Thiên Trúc. Vua triệu vào ủy lạo, ban cho hiệu là Hiển Giáo Đại sư cùng Tử y và vàng lụa...

Năm Khánh Lịch thứ nhất, ngài Tam tạng Pháp sư Duy Tịnh tâu vua rằng: Ở Tây Vực đã dâng Kinh mới cũ có cả vạn cuốn, Hồng Lô được lập ra đều có bổng lộc sở phí (Hồng Lô Khanh cốt đón khách bốn phương, đời sau lại chuyên để các Phạm Tăng Tây Vực đến ở) nay muốn xin triều đình cho bỏ việc dịch kinh. Vua nói: “Đây là việc của cả ba Triều vua trước đâu dám dẹp bỏ liền. Vả lại các Kinh Sách quý báu được hiến tặng, ngoài Hồng Lô ra ai có thể biết được”. Không bao lâu thì Trung Thừa Khổng Phụ Đạo dâng sớ xin vua bỏ việc dịch kinh, vua ra Tịnh sớ dạy rằng: “Đây là phép lớn của Tiên Triều không nên dẹp vợi” (Tương Sơn Dã Lục).

Phạm Trọng Yêm cai trị Hà Đông, nghỉ đêm ở nhà Bảo Đức Truyền tìm được một quyển kinh cũ tên là Thập Lục La-hán Nhân Quả Thức Kiến Tụng, trong Tạng Kinh chưa ghi. Trọng Yêm bèn làm lời tựa rằng: “Trong Tụng văn này có nói một Tôn giả có bảy đầu đều ngộ được lời nói vốn đã thành Phật. Tôi đọc một bài tụng thì ngộ được một điều, mới biết ở trần thế có vô biên Thánh Pháp mà Đại Tạng còn sót mất các chân văn.” Nhân đó đem truyền đến Giang Lăng. Sa-môn Tuệ

Triết cho đem lưu hành ở đời (Gia Tập).

Gián Nghị Đại Phu Âu Dương Tu rất thích việc Hàn Dũ chê bai Phật Lão, bèn viết ra Bản Luận ba thiên, trong đó tóm tắt rằng: Phật pháp làm hại Trung Quốc hơn một ngàn năm. Những kẻ vững vàng ở đời không bị mê hoặc mà có sức mạnh thì không ai không muốn dẹp bỏ Đạo ấy. Đã dẹp rồi nay lại cố gắng phục hưng thật chẳng biết làm sao... Từ đời Nghiêu Thuấn đến Tam Đại việc cai trị sáng suốt dạy dỗ lễ nghĩa đầy khắp thiên hạ. Do đó đời tuy có Phật nhưng không do đâu thâm nhập vào được. Cho đến thời Tam Đại suy vi thì nền Vương Chính thiếu sót, lễ nghĩa bị phế bỏ, đó là hơn 200 năm Đạo Phật đã vào Trung Quốc. Do đó có thể nói Phật là tai nạn của chúng ta, vì nó thừa lúc thiếu sót phế bỏ mà đến. Đây là cái gốc để chịu tai nạn ấy... Lễ nghĩa là gốc để thắng Phật. Các lễ đi săn mùa Xuân và mùa Thu, lễ hôn nhân, tang tế, lễ hương tạ, phạm dạy cho dân đầy đủ thì Phật không do đâu mà xâm nhập được (Âu Dương Tu lấy lễ nghĩa làm gốc để thắng được Phật nên gọi là Bản Luận). Ông lại nói: Nay Pháp của Phật có thể gọi là gian tà. Lại nói: Ngàn năm Phật Lão vẫn là giặc của Trung Quốc (đều thấy trong tập sáu mươi mốt cư sĩ).

Năm Khánh Lịch thứ hai, thuở xưa ở núi Đông dịch, ngài Bản Như Pháp sư đã kết hẹn với một trăm Tăng cùng Tu Pháp Hoa Sám suốt một năm. Tháng bảy năm ấy Phò Mã Đô Úy Lý Tuân Úc tâu lên triều đình, vua ban cho Sư hiệu Thần Chiếu và Tử y. Có lần ở phía Tây nam thấy có một con hổ đang nằm, sư lấy gậy khẽ nhẹ vào hổ nói: “Không phải chỗ của mày ở đây!” Con hổ cúi đầu bỏ đi. Sau cất lên một am ở chỗ hổ nằm và năm ấy Sư đến đó để ẩn cư. Sư mến mộ đạo phong của ngài Lô Sơn, đã cùng Tuân Công Chương Đắc Tượng và các hiền sĩ kết Bạch Liên Xã, sau sáu, bảy năm dần thành một ngôi chùa to. Chúa Thượng vốn nghe đạo phong của Sư nhân đó ban cho ngạch Bạch Liên.

Năm thứ ba, tháng sáu, hạn hán đã lâu, vua ban chiếu rước rằng Phật ở chùa Tướng Quốc vào Nội điện để vua đích thân cầu đảo. Phút chốc mưa lớn ào xuống, bèn làm điện vàng bốn cửa giống như cung trời để thờ rằng Phật. Lại viết Phát Nguyện Văn để tỏ lòng quy kính. Tế Tướng Chương Đắc Tượng kiêm chức Dịch Kinh Nhuận Văn Sư.

Năm Khánh Lịch thứ tư, tháng sáu, tháp Linh Cảm ở chùa Khai Bảo bị cháy. Vua ra lệnh cho Trung Sư lấy tháp xá-lợi để dưới nền tháp Linh Cảm đem vào nội điện để cúng dường. Khi sắp xây lại tháp cũ, Giám quan là Dư Tĩnh cố sức can ngăn. Vua không vui.

Gián Nghị Âu Dương Tu nói việc đó là đúng. Vua xuống chiếu



hạ ngục ông để phạt nặng, rồi đày ra Trừ Châu. Năm sau khi ông sắp trở về Lô Lăng, thuyền tới Cửu Giang, nhân đó ông mượn cơ đạo chơi Lô Sơn, vào Viên Thông ở Đông Lâm yết kiến Tổ Ấn Thiền sư Cư Nạp và cùng luận đạo. Sư phê phán Bách Gia nhưng lại chiết trung với Phật pháp (Sử Ký Khổng Tử Thế Gia - Chiết Trung với Phu Tử, thì chiết là cắt đứt, trung là phê phán). Ông bỗng nghiêm trang tâm phục, chí thành lắng nghe Sư nói quên cả mệt mỏi, mãi nửa đêm vẫn không nghỉ. Ông đều trầm ngâm cúi đầu chấp nhận. Lòng bài bác Phật thường ngày bỗng tiêu tan. Ông cứ lần lữa mãi hơn tuần nhật không đành lòng bỏ đi. Có người bảo ông giống y trường hợp Thoái Chi gặp Sư Đại Điền. Lúc đầu khi ông mới đến chào Sư, ngồi trên tòa Sư hỏi: “Túc hạ từ xa lại há vì Đạo của Thánh nhân Tây Trúc đã hợp ý mình ư?” Tu mạnh dạn đáp: “Tôi học đạo Khổng Mạnh. Tôi trộm ngưỡng mộ việc Hàn Dũ bài xích Phật Lão. Pháp ở Tây Trúc thì có dùng được gì?” Sư nghiêm sắc mặt gạn lại rằng: “Thoái Chi bài xích Phật Lão, tự ví mình với Mạnh Tử bài xích Mặc Dương. Nhưng Phật Lão là Đại Thánh, Dương Mặc nào dám bì, mà Thoái Chi còn không thể chê bai được, huống chi lại là người mến mộ ông ấy. Xưa Văn Trung Tử nói Phật là Thánh nhân, mà Thoái Chi chê là Rợ Quỷ, đây thật là lời của kẻ quá xác láo!” Dương Tu nói: “Học giả bỏ lời nói đúng, Sử gia cũng không viết truyện truyền lại nên Thoái Chi tâm hoàn toàn không ca ngợi Phật. Nay Sư viện dẫn nói Phật là Thánh nhân thì trong thiên hạ có ai theo chẳng?” Sư nói: “Văn Trung Tử là kẻ thuần Nho, ông giúp sức vua Thái Tông cai trị không hổ thẹn với Tam Đại, chức ông là Tu Sĩ, tất có thể nêu Phật Lão là Thánh nhân. Xưa Trần Thúc Đạt soạn ra Tùỳ Sử một cách tỵ hiềm ở đương đời, mà Tư Mã Quân thật phải viết truyện để bổ túc thêm. Còn Thoái Chi đã che giấu bậc hiền không khen ngợi đâu phải là công tâm trong thiên hạ? Bì Nhật Hưu nói là Mạnh Tử, Tuân Khanh giúp truyền đạo Khổng. Đến như Văn Trung Tử thì Tư Không Đồ bảo đó là trời sinh Văn Trung Tử dùng để giúp rập Thánh nhân. Cho nên đám học trò của Phòng Đồ mở rộng văn võ để giúp nên cai trị của năm Chánh Quán. Điều này đủ để biết Văn Trung Tử. Đám học trò của Tuân Khanh như Hàn Phi, chuộng hình danh mà hại đời, Lý Tư đốt thi thư mà làm mất nước Tần. Cái họa của Dương Mặc chưa đến nỗi như thế. Đám học trò của Văn Trung Tử hay dùng đạo nhân nghĩa mà giúp dựng nên nhà Đường được bình trị. Như bọn Tử Vân, Thoái Chi nói suông vô ích không ai nghe tiếng bọn này đã có công phò Hán giúp Đường được hưng thịnh. Vậy Đạo của Văn Trung Tử há là không hơn được nhóm Tuân - Dương - Hàn



- Tử mà kẻ học ở hậu thế chấp nê mà chẳng biết ư?” Âu Dương Tu nói: “Bọn Hàn Tử không hợp với đạo của Văn Trung Tử là điều ít có, nếu gặp được vua Thái Tông tất sẽ phát huy hết hoài bảo của họ”. Sư nói: Hiến Tông là vua thời trung hưng, nhưng bọn Thoái Chi không nghe nói là có giúp ích lại dùng việc bài xích Phật Lão mà lập công, tự ví mình với Mạnh Tử chê bai Dương Mặc, thật là một kẻ hiếu thắng há danh quá lắm! Và lại việc Thoái Chi chê Phật là Rợ Quỷ, xin luận tóm tắt rằng: Phật là bậc Thánh nhân từ cõi trời Đâu-suất giáng thân thác sinh vào Cung vua ở Thiên Trúc thì sao gọi là Rợ được. Phật là bậc Thánh nhân bất sinh bất diệt còn mãi trong nhiều kiếp, được hàng trời người kính ngưỡng thì sao gọi là Quỷ được? Đây không phải là Thoái Chi quá xác láo ư? Tổ bảy đời của Thoái Chi là Hàn Kỳ vào năm Vĩnh Hưng thời Hậu Ngụy từ Hách Liên đến đầu hàng Thạch Bạt (họ Hách Liên là Tả Hiền Vương của Hung Nô, sau dựa vào Sóc Phương mà xưng là Đại Hạ. Đạo Võ của Hậu Ngụy họ Thạch Bạt khởi lên từ Bắc Địch). Do từ Tây Nhung về với Bắc Địch đâu phải chỉ riêng có Tổ của Hàn Thoái Chi, mà lại dám chê bai Phật Thánh nhân ư? Thoái Chi sợ cái lỗi sửa Sử để khen chê này nọ (đáp thư Lưu Tú Tài ông nói: Phàm người làm Sử nếu không bị người hại tất cũng bị trời phạt) mà không nghĩ rằng việc bài bác Phật lại là cái lỗi càng đáng sợ hơn. Cho mình có nhiệm vụ bài Lão mà anh mình lại thờ. Mao Tiên và uống linh đơn, cuối cùng bị ung thư mà chết (Thoái Chi nói Hàn và Mao cùng họ). Tử Sống sửa thư không có tài liệu chứng cứ (sửa Hán thư đổi Kim Căn Xa thành Kim Ngân Xa), cuối cùng bị truất bỏ phải lui về, chưa được mấy đời thì tuyệt tự. Đây cũng là không tránh khỏi bị người hại trời phạt. Thoái Chi đề xướng việc bài bác Phật Lão, nay tước hạ lại hòa theo, định khiến cho đời sau những kẻ hiếu danh lấy Hàn Dũ và Âu Dương làm mẫu mực há chẳng bị cái lụy về thanh đức sao? Ngạn ngữ có câu: “Kẻ giỏi chửi người tất bị người chửi lại”. Túc hạ xưa có làm Bản Luận chăm chăm lo việc hủy báng Phật, đâu khỏi được miệng đời không chê cười trước khi trời nghe thấy ư? Túc hạ bảo các Lễ Sư Thú, Tang Tế Hương Tạ là gốc để thắng Phật, khác nào Thoái Chi nói Nguyên Đạo mà không thật biết “Đạo là gì”. Dương Tu cả kinh thẹn đỏ mặt tạ lỗi rằng: “Nay Tu tôi trong lòng đã rõ ra, xin được dạy dỗ cho”. Sư nói: “Đạo Phật lấy ngộ tâm làm gốc, tước hạ nhiều đời ở trong thể Đạo, chỉ vì mất Chánh niệm mà sinh vào Đông Hoa làm danh Nho, riêng chấp tục giáo mà quên mất gốc Đạo, hãy chí thành vận tâm Thánh phàm bình đẳng lắng lòng hội nhập, nhanh chóng bỏ tính ngã mạn xác láo, hết sức hối lỗi đã

qua, xem vinh nhục vốn không, hiểu sinh tử như nhau thì tịnh niệm sáng trong tính Thiên chân hiển lộ mới có thể tìm về bến Đạo được”. Từ đó Tu nhiều lần được tỉnh phát. Về sau khi ra làm quan lớn thường được khen ngợi trước hàng công khanh nhưng luôn luôn vẫn đọc sách hỏi đạo mãi không thôi (Sa-môn Tổ Tú nước Thục chép chuyện Âu Dương gặp Nạp Thiên sư làm Âu Dương Ngoại Truyện. Sau có Triều Cư sĩ Tô Tường Dường, Trực Công Trương Lăng viết tựa. Tú ở Thượng Phong tại Đàm Châu đặc pháp với ngài Huỳnh Long Tôn Thiên Sư, tự hiệu là Tàng Lục Am).

**Bàn rằng:** Khổng Tử và Văn Trung Tử đều gọi Phật là Thánh nhân, còn Hàn Dũ gọi Phật là mọi rợ. Âu Dương làm Bản Luận nói Phật pháp là tai nạn của Trung Quốc. Cả hai người không biết Phật là Thánh. Vì không biết cái to rộng của trời đất nên không biết đâu là Rợ đâu là Trung Quốc. Vì không biết cái Diệu của Phật pháp nên không biết đâu là gốc, đâu là tai họa. Nho giáo có kẻ muốn bài bác Phật mà chưa xem kỹ kinh sách, chưa hỏi han các bậc học giả thì đâu thể phục nghĩa lý mà quay về, thế nên dễ dàng mắc tình xác láo, như lời lầm lỗi nhất thời của Hàn Âu. Song Thoái Chi thì hỏi đạo với ngài Đại Điền, tự bảo là được chỗ thâm nhập. Cho nên Lỗ Trực có nói: Sau khi gặp được Đại Điền thì Thoái Chi làm Văn có nghĩa lý cao hơn mà việc bài Phật cũng ít đi nhiều. Còn Âu Dương gặp ngài Tổ Ấn thì nghiêm túc tâm phục, nên Tô Đông Pha nói rằng: Vĩnh Thúc không ưa Phật song sự thông minh của ông nó chiếu sáng, lại nhờ đạo đức hun đúc nên thành người thật có Phật pháp. Nay nhiều người chỉ đọc được các lời chê bai lúc trước mà không xét việc tin phục của họ sau này. Nên cả hai ông trọn đời mang tiếng là bài bác Phật, thật bất hạnh thay cho họ!

Vua sắc phong cho cháu bốn mươi sáu đời của Khổng Tử là Tông Nguyên làm Diễn Thánh Công. Huyện Tiên Nguyên sai sung năm mươi người Miếu Hộ đến quét dọn.

Năm Khánh Lịch thứ năm, Tổ Tuân ở Mi Sơn đến Biện Kinh thi Tiến sĩ không đậu, bèn từ Triết giang đến Tầm Dương, lên Lô Sơn yết kiến Tổ Ấn Nạp Thiên sư mà hỏi đạo Pháp (Đông Pha nói: Năm Khánh Lịch Bính Tuất, Tiên Quân đến hỏi Pháp ngài Viện Thông Nạp Sư mà được ý chỉ).

Năm thứ sáu (Đinh Hợi), Trụ Trì Thủ Xiêm ở Chánh Giác Thiên Viện tại Giang Ninh Phủ xây lại tháp Phật bằng gạch nung ở Tứ Châu. Trụ trì Phổ Trang ở chùa Thiên Hy soạn bài Táng Xá-lợi Ký.

Năm thứ bảy, mùa Xuân không mưa. Vua sai Sứ đến núi Đại

Hồng ở Tùy Châu cầu mưa. Sứ sai người đến khẩn cầu ở điện, thấy thần Tăng Tử y nhượng mắt nhìn, thì sáng hôm sau có mưa to. Vua ban chiếu phong làm Từ Nhẫn Linh Tế Đại sư.

Thái tử Thái Bảo Trương Phương Bình, có lần ở Trừ Châu đến một Tăng xá gặp quyển kinh Lăng-già, đưa tay cầm Kinh chợt thấy như vật rất quen thuộc. Mở quyển đọc chưa hết thì tức chướng đều dứt sạch. Xem kỹ thì nét bút đời trước của mình còn rõ ràng. Từ đó mà ngộ nhập. Ông thường lấy bốn bài kệ ở đầu Kinh để phát minh tâm yếu. Tô Thức làm Đề Kinh phần sau có nói rằng: “Những điều Phật nói trước đây đều vi diệu bậc nhất, chân thật liễu nghĩa, nên gọi đó là Phẩm Phật nói về Tâm” Tổ Sư Đạt-ma truyền Pháp cho Nhị Tổ bảo rằng: “Ta xem bao nhiêu Kinh sách của nước Chấn Đán chỉ có bốn quyển kinh Lăng Già có thể dùng để ấn tâm, các Tổ dùng làm Tâm pháp truyền nhau”. Như trong y học có Nạn Kinh thì câu câu đều là lý, chữ chữ đều là pháp. Kẻ thấu đạt đời sau sẽ sáng suốt mà minh phát, như hạt châu lăn chạy trên mâm hay mâm lăn chạy trên ngọc châu đều không đâu là không được... Tô Thức giao du với ông hồi ba mươi tuổi. Năm nay đến Nam đô yết kiến ông ở nhà riêng. Ông lúc đó đã bảy mươi chín tuổi, huyền diệt đều mất, huệ quang tròn sáng. Thức tôi cũng già đi với mọi lo nghĩ, trăm niệm đều như tro lạnh. Ông cho đó là lúc có thể truyền dạy. Bèn trao cho Kinh này chỉ lấy ba mươi vạn tiền để sai người đem ấn thì trong vùng sông Hoài. Ngài Kim sơn Phật Ấn Nguyên Thiên sư cho rằng ấn thí có giới hạn. Không bằng viết rồi đem khắc bản in ra thì vô cùng. Bèn viết mà khắc bản để làm vật thường trụ ở Kim sơn. Vua viết Tụng Dịch Kinh ban cho ngài Tam tạng Pháp Hộ.

Năm Khánh Lịch thứ tám, Giác Thần Tư Mã Quang nhiều lần dâng sớ xin lập Trữ Tự. Vua nghe nói ở chùa Khai Bảo ngài Pháp Hoa có hạnh lạ. Đêm đến vua thắp hương ngậm khẩn mời ngài Pháp Hoa Đại sĩ sáng hôm sau đến điện Hóa Thành thọ trai. Sáng ra vua mặc Đạo y ngồi nghiêm mà đợi. Bồng Nội Thị tâu rằng: ngài Pháp Hoa từ cửa hông bước vào đi thẳng đến Tẩm điện, la ngăn cũng không dừng! Vua cười bảo: Trẫm mời ngài đến đây! Ngài đến liền lên thẳng ghế ngồi của vua mà thọ trai. Vua hỏi về việc Trữ Tự, ngài xin giấy bút và viết liền chữ mười ba, mười ba. Sau đến đời Anh Tông nối ngôi thì chính là con thứ mười ba của Bộc Vương (Bộc Vương là anh của Nhân Tông).

Quan Tri Chế bảo Tăng Công Lượng vì để tang mẹ nên cáo quan về quê. Tăng ở quê là Nguyên Đạt ngồi thuyền đến Tiền Đường vào chùa Thiên Trúc lễ Đại sĩ (Pháp Hoa). Khi vào cửa có cô gái áo lụa

trắng bảo rằng: “Tăng xá nhân năm mươi bảy tuổi vào Trung Thư ngôi cao, cũng năm ấy Sư được hiệu” rồi biến mất. Quả nhiên đến năm ấy Công Lượng được làm Thừa Tướng và ông nhớ ân Nguyên Đạt nên bổ làm Đại sư. Công Lượng có tiền thân là Thanh Thảo đường. Năm hơn 90 tuổi, nhân vợ của Tăng thị vào chùa thiết trai cúng dường, đã cúng cho ông y vật, ông cảm kích tình ý ấy. Khi người vợ sinh con thì ngay lúc ấy ông ngồi mà hóa.

Tham Tri Chánh Sự Âu Dương Tu coi Dương châu. Ở Lô Sơn, Tổ Ấn Nạp Thiên sư sai Tăng đến hỏi thăm. Âu Dương Tu cùng đối mặt ngồi ăn bỗng ông bảo: Nước Cao Ly sai Sứ đến hỏi Ngụy Võ chú thích Tôn Tử, có ba chỗ yếu nghĩa mà không chú thích. Các hiền thần trong triều đình không ai đáp được. Có chiếu vua hỏi Tu tội nhưng cũng chưa biết đáp thế nào? Vị Tăng nói: “Lão Sư trong núi tất biết được nghĩa này”. Dương Tu mừng rỡ đốc suất Quận sắm sửa nghi lễ triều đình cho Sứ đến gặp mời Sư. Sư bảo Sứ rằng: “Trong binh có việc cơ mật không thể trình bày cùng mọi người.” Sứ trở về trình, ông liền đem lời nói ấy vào tâu vua (Đông lâm Lục). Sau Dương Tu viết tựa cho Bộ Chú Tôn Tử, nói rằng: “Tôn Võ lấy việc vô cùng làm kỳ lạ. Lời văn tóm tắt mà ý rất sâu xa”. Sau ông lại vì Tiền Trung Ý Vương mà khen rằng: “Trong đó có Láng Xư không thể đem chỉ cho người được” đều là ý của Sư Tổ Ấn cả.

**Bàn rằng:** Bàn tôi lúc còn bé đứng hầu Sư Viên Tiên Sinh (tên là Cơ, cháu của Quận Học Lục Khiết Trai Chánh Hiến Công) thấy Dữ Hương Sĩ xem Tôn Ngô Bình Thư nghe ông bình luận rằng: Binh của Nho hợp với Đạo Thường: Thương yêu sĩ tốt không giết lầm một người đó là Nhân. Cứu người lúc gặp nạn không quên vua chúa, đó là Nghĩa. Hai bên cùng đánh nhau vẫn sai Sứ qua lại, đó là Lễ. Bảo vệ đất nước che chở nhân dân, mỗi bên đều giữ lời giao ước đó là Tín. Đến như người thì lừa đảo, còn ta ngay thẳng mà chính nghĩa xuất binh, lấy sự kỳ dị mà thủ thắng, đó là Trí. Phàm Trí thì không vướng vào một góc. Có việc do biết dự đoán trước mà thắng, có việc do lâm sự lại biết ứng biến mà thắng. Dùng trí một cách bất định sáng suốt như Thần Minh. Chí thân như cha con cũng không thể bảo nhau. Nhưng nói với nhau bằng chữ viết đâu thể hết ý được. Ta nghe câu nói này đã bốn mươi lăm năm, nay xem điều ghi trong Đông lâm Lục càng tin lời của Viên Công cùng Tổ Ấn có ý nghĩa giống nhau (Âu Dương Ngoại Truyện nói: Ông đến Viên Thông. Phạm Văn Chánh dùng thư để xúc phạm Vĩnh Thúc, hỏi việc Ngụy Võ không chú thích Tôn Tử để quyết nghị, Sư đến xem xong

bền lấy một pho mà chú thích. Ông kinh hãi xuất hạn suốt đêm).

Năm Khánh Lịch thứ chín, Âu Dương Tu coi Dĩnh Châu, có cô ca kỹ Lô Mi nói khéo hay cười, mở miệng thì có hương sen tỏa ra. Có Sa-môn nước Thục biết việc đời trước của người. Dương Tu đem việc ra hỏi, vị Tăng đáp: “Cô gái ấy kiếp trước làm Ni tụng kinh Pháp Hoa ba mươi năm, do một niệm sai lầm mà đến như thế”. Tu hỏi cô gái: “Có tiếp tục tụng kinh Pháp Hoa chăng?” Cô gái thưa: “Mất thân thế này đâu thể tiếp tục tụng được”. Tu sai tả hữu dạy cô”. Chỉ mới dạy qua một lần, cô gái liền tụng được nhưng chỉ tụng kinh Pháp Hoa, các kinh khác không tụng được (Độn Trai Nhàn Lãm).

Năm Hoàng Hựu thứ nhất, vua ban chiếu xây lại Tháp Linh Cảm để thờ xá-lợi (Năm Khánh Lịch thứ tư, Tháp bị cháy tiêu nên phải xây lại).

Vua ra lệnh cho Trung Sứ đến Trần Lưu vào Quan Tự rước xá-lợi xương ngón tay Phật. Có người cho là giả. Vua bảo đem lửa dữ nung đốt và giả bằng chày vàng thì vẫn còn nguyên vẹn. Bông xá-lợi chiếu sáng về phương Tây. Vua nói: Công đức muốn về Xiển Giáo ư? Bèn dùng hộp báu thủy tinh mà đựng, vua viết bài văn Phát Nguyện rồi rước trở về chùa cũ. Khi xưa, người ở ấp Trần Lưu lập chùa cho Sa-môn Nghĩa Tân, xin biển ngạch đề là Xiển Giáo. Bông có vị Phạm Tăng đến bảo rằng: “Ta từ Thiên Trúc đem xá-lợi ngón tay Phật đến đây tìm chỗ tốt đẹp mà thờ, ngoài Sư ra thì không ai được”. Rồi dâng cho Sư mà bỏ đi. Sau đó xá-lợi phóng ra ánh sáng nhiều lần, cầu đảo đều rất ứng nghiệm (Dương Kiệt soạn bia).

Từ Triều Nhà Chu phá chùa nên cất lại chùa Long hưng, Lương Nhai ở Kinh Sư chỉ có Nam Sơn Luật Bộ, các Tông Hiền Thủ, Từ Ân chỉ là nghĩa học mà thôi. Những hàng sĩ phu thông minh vượt bậc đều chán nghe việc nói về danh tướng, mà chỉ quán của Thiên Thai, Thiên Tông của Đạt-ma chưa thể lưu hành. Từ năm Thuần Hóa đến nay chỉ có Thiên Trúc ở Tứ Minh hành đạo Quán Tâm Tông Nhãn ở Đông nam, chiếu sáng khắp thiên hạ. Dương Ưc, Triệu Huýnh nhờ đó mà phát lên. Vua Chân Tông lại ban thưởng thêm cho hiệu là Pháp Trí Từ Vân. Cả một thời trong Triều, trong ngoài đều cùng ngưỡng mộ. Nhưng rốt cục vẫn chưa thể lưu hành cái thuyết ấy ở chốn kinh ấp. Bấy giờ Nội Thị Lý Duẩn Ninh tâu vua lấy dinh thự ở Biện Kinh mà lập ra Hưng Thần Tịch (nơi giảng thiền) nhân đó vua ban Ngạch đề Thập Phương Tịnh Nhân. Vua mới lưu ý đến Không Tông ban chiếu tìm người có Đạo Hạnh đến ở đó. Âu Dương Tu... xin mời ngài Viên Thông Cư Nạp, nhưng Nạp Sư

lấy cố bệnh mà từ chối. Do đó cử ngài Hoài Liễn lên thay (Âu Dương Ngoại Truyện).

Năm thứ hai, Tể Tướng Văn Ngạn Bác kiêm chức Dịch Kinh Nhuận Văn Sử. Ngạn Bác cùng Tịnh Nghiêm Thiền sư ở Kinh Sư kết hện Tăng Tục mười vạn người niệm Phật để cầu nguyện Vãng Sinh Tịnh Độ. Vua ban chiếu mời Tả Nhại Tịnh Nhân Tự là Hoài Liễn Thiền sư vào điện Hóa Thành thăng tòa, còn Hữu Nhại Tăng Lục là Trí Lâm... vấn nạn. Cả hai đối đáp nhau đúng ý chỉ Phật, vua ban chiếu cho hiệu là Đại Giác.

Khi xưa, Thuấn Lão Phu ở chùa Thê Hiền tại Lô sơn. Quận Thú Nam Khang có tư thù nên bắt ông mặc áo tục không cho tu nữa. Ngài Đại Giác đón ông về chùa Tịnh Nhân mời ông ở nhà trên. Mỗi khi vua mời Sư vào nội điện không hề nhắc đến. Một hôm Gia Vương đến chùa, thấy ngài Đại Giác đứng hầu bên ông rất cung kính. Vua lấy làm lạ hỏi Tả Hữu thì mới biết là ngài Đại Giác đã từng vào học với Thuấn, bèn về tâu vua. Vua mời Thuấn vào điện hỏi thăm thì Đạo Mạo ông rất kỳ vĩ. Vua kính cẩn nói: “Đây là bậc cao nhân ở Sơn lâm”, vua lấy quạt đề thơ ban tặng hiểu dụ Thuấn. Rồi cho ông làm Tăng như cũ, cho về ở lại chùa Thê Hiền và ban cho Tử y, bát bằng bạc.

Năm Hoàng Hựu thứ năm, Sa-môn Trí Cát Tướng... ở Tây Thiên đến Triều dâng lên vua kinh Phạm. Vua ban cho Tử Y. Vua ban chiếu sai Âu Dương Tu cùng Tông Kỳ Phạm Trấn sửa lại Đường Thư, như Cao Tăng Huyền Trang, Thần Tú các truyện và Phương Kỷ Truyện... cho đến bài văn đọc trong lễ lập chùa Tiến Phước kỳ siêu cho các Tướng sĩ trận vong trong năm Chánh Quán... đều bỏ hết. Có vị Tăng Tịnh Nhân theo Giác Thiền Sư, xưa có theo học với Tư Mã Quang, có lần nghe lời nói ấy bảo rằng: Vĩnh Thúc không ưa Phật. Nên trong Đường Sử xưa, những gì có liên can đến việc ấy đều bỏ đi. Có lần lấy hai bản cũ mới so nhau thì thấy đã bỏ đi hơn cả ngàn điều. Nhân nói: “Chuyển đổi tánh mạng và đạo đức của người bằng lời dối trá là văn của Hàn Dũ, dẹp bỏ sự thật về các việc trị loạn thành bại là Tân Thư.” Phạm Tổ Vũ nghe lời nói của Tư Mã Quang: Bèn viết Đường Giám để ngầm bỏ khuyết cho bộ Tân Thư (Âu Dương Ngoại Truyện).

Có lần Tư Mã Quang đọc Văn Trung Tử thấy bảo Phật là Thánh nhân, ông nói: Xét như thế thì tâm Phật có thể thấy được. Bèn làm sáu bài Thiền Kệ, đoạn chót trình bày rằng:

*Ngôn làm Thầy trăm đời*

*Hạnh làm Pháp Nhân Thiên*



*Là Hiền, là Đại Thánh  
Gọi là Phật, Bồ-tát.*

Nhân lúc rảnh rang ông dạo chơi đến các chùa ở Lạc Dương, trong các dãy hành lang vắng ngắt bỗng nghe chuông trống nổi lên. Ông lên trai đường thì thấy một vị Sa-môn ngồi thẳng yên lặng mới đến dâng lên bảy chiếc đĩa. Quan vui mừng gọi tả hữu bảo rằng: “Đừng nói rằng Lễ Nhạc của Tam Đại không ở trong áo nhà Tu”.

Năm Chí Hòa thứ nhất, vua ra sắc lệnh rằng: Ngài Tam tạng Pháp Hộ giới đức cao trội, có thể đặc cách phong cho Sư hiệu sáu chữ là Phổ Minh Từ Giác Truyền Phạm Đại Sư.

Vua mộng thấy đến trước cửa chùa Cảnh Đức thấy một con rồng nằm cuộn khúc trên đất, sợ quá tỉnh dậy. Bèn sai Sứ đến chùa xem thì thấy có một vị Tăng đang nằm ngoài cửa chùa tên là Đạo Long. Sáng hôm sau vua triệu vào gặp thì Sư ứng đối thông minh rõ ràng bèn ban hiệu là Minh Ngộ Thiên Sư. Vua sắc lệnh cho bên ngoài Tào Môn lập Viện Hoa Nghiêm mời Sư đến ở.

Năm Chí Hòa thứ hai, Tịnh Nhân Đại Giác Thiên sư Hoài Liên dâng thư về Lão Sơn. Vua nói: Sơn tức là cái thể Như Như sao lại về? Sư bèn dâng Tụng rằng: “Mây núi suốt nguồn tiếng nhạc reo, thân nhàn ở ngọn núi cheo leo, ân cần nguyện sống bằng trời đất, một nén hương thơm ngát núi đèo.” Vua có lần ban cho Sư bát gỗ long não. Sư đem đốt bát trước Sư giả nói rằng: “Pháp ta chỉ dùng y hoại sắc và bát bằng sành bằng thiếc để ăn, bát này là phi pháp”. Sư giả về tâu, vua càng khen kính Sư.

Năm Gia Hựu thứ nhất, nhân Tiết Càn Nguyên (đầu năm), vua ra lệnh tại Tháp Viện Phước Thánh ở chùa Khai Bảo thiết lễ trai dâng cúng chư Tăng Y Ca-sa.

Thái Thú Tướng châu là Lý Phục Khuê đào nền tháp ở chùa Long Hưng được xá-lợi tóc Phật cuộn xoắn ốc kéo ra rất dài. Người tới lui kính lễ không dứt. Tế Tướng Hàn Kỳ liền xây điện trên đất ấy mà thờ.

Năm Gia Hựu thứ ba, ngài Dịch Kinh Tam tạng Ngân Thanh Quang Lộc Đại Phu Thích Quang Lộc Khanh Phổ Minh Từ Giác Truyền Phạm Đại sư Pháp Hộ đã thị tịch, thọ chín mươi sáu tuổi.

Nước Tây Hạ tâu vua rằng: Trong nước có Già-lam mới xây xong xin vua ban cho Đại Tạng Kinh Điển. Vua chấp thuận.

Năm thứ năm, môn hạ của Đồng Trung Thư là Chương Sự Phú Bạc Kiệm chức Dịch Kinh Nhuận Văn Sứ.

Phú Trịnh Công thỉnh ngài Hoa Nghiêm ở Chiêu Đề tại Lạc Dương



có mời Tư Mã Ôn Công cùng đón rước. Bỗng thấy mấy mươi gánh đi qua. Ôn Công hỏi thì đáp rằng: “Đây là hành lý của Chiêu Đề Trưởng Lão”. Ôn Công bèn bảo ra về. Trịnh Công nói: Đã thấy rồi đấy.

**Bàn rằng:** Người học đạo tất giữ phận nghèo làm đức, người thời nay nếu biết được đều tôn kính. Nhưng mấy mươi gánh hành lý của Chiêu Đề rốt cuộc khiến Ôn Công thấy đức quá mỏng, chỉ vì một sai sót nhỏ mà xóa hết đức to, không rắn dè ư?

Năm Gia Hựu thứ sáu, Văn Ngạn Bác làm Sứ Tướng Trấn Ngụy Phủ thỉnh ngài Văn Tuệ Thiên sư ngày đầu năm về ở chùa Thiên Bát. Một hôm ngài đến từ biệt nói là sẽ nhập diệt. Ngạn Bác sai con đến hầu, quả nhiên ngài ngồi mà hóa. Trong mùa nắng dữ mà hương thơm ngào ngạt. Khi thiêu khảm thì có khói trắng bốc lên, xá-lợi như mưa. Ngạn Bác thân đến xem, tay cầm bình lưu ly khẩn nguyện thì khói trắng chui vào bình và xá-lợi đầy ắp.

Ở Hàng Châu ngài Trí Viên Luật Sư Duãn Kham thị tịch, tháp ngài ở chùa Bồ-đề tại Tây hồ. Ngài có soạn bộ Hội Chánh Ký giải thích các văn của Nam Sơn Luật Tông lưu hành ở đời.

Năm thứ bảy, ở Hàng Châu có Sa-môn Khế Tung. Lúc xưa Sư đắc pháp với ngài Động Sơn Thông Thiên Sư. Sư đến chùa Linh Ẩn ở Tiền Đường đóng cửa viết sách. Viết xong Sư vào kinh Sư yết kiến Nội Hàn Vương Tố dâng lên vua Phụ Giáo Biên, Định Tổ Đồ, Chánh Tông Ký... Vua đọc sách biết Sư là kẻ vì Pháp chứ không phải vì mình, mừng khen sự chân thành của Sư. Vua ra lệnh cho các sách được nhập vào Đại Tạng và ban cho Sư hiệu là Minh Giáo Đại sư. Đến khi đưa sách cho Trung Thư Tể Tướng Hàn Kỳ, Kỳ đưa cho Âu Dương Tu. Tu xem văn khen rằng: Không ngờ trong Tăng lại có người như thế. Sáng hôm sau cùng Hàn Kỳ đến chùa Tịnh Nhân gặp Sư thì cùng chuyện văn trọn ngày. Từ Tể Tướng trở xuống đều tranh nhau mời đón Sư, danh tiếng lừng lẫy cả nước. Khi Sư đi về phía Đông đến Ngô Môn thì Đại Giác Liễn Thiên sư làm bài Bạch Vân Dao để tặng Sư (Thạch Môn Văn Tự Thiên).

**Bàn rằng:** Triều Dĩ Đạo nói: Ta từng quá lạ về văn của Hàn Dũ và sức của Âu Dương Tu về bài bác Phật pháp, nhưng trong số đó lại có nhiều người rất giỏi Phật pháp như nhóm Trừng Quán, Khế Tung... tuy tự mình có thể truyền đến hậu thế, nhưng hàng sĩ phu đời nay ưa khen tặng là người có Đạo đức thì hai ông này là mạnh hơn cả.

Ở Lạc dương có Sa-môn Giám Duật có soạn bộ Vận Tổng năm Thiên rất giản dị mà sâu sắc. Âu Dương Tu làm lời tựa cho bộ sách ấy nói rằng: Nêu phép cân nhắc tiếng chánh phụ, nặng nhẹ mà định rõ bốn

thanh, tìm xét các lỗi trước của các nhà Nho, luận bàn sửa lại các sai trái khắp nơi, các kẻ Nho học không thể bắt bẻ.

**Bàn rằng:** Phàm người lúc bé tất phải học chữ, thầy lại không biết chữ nên việc học có nhiều sai trái, khi lớn lên lại dạy người sai trái. Sai trái cứ truyền nhau nên không nghi ngờ gì. Không biết chữ mà làm văn, văn muốn học theo xưa mà không biết chữ xưa thì làm sao làm văn được?

Đời Hán Tiên Quân là Trung Lang Thượng Thư (đời Hậu Hán tên là Lô Trực tự Tử Hàn, đến Chí Bàn tôi là mười hai đời, thấy rõ trong gia điệp) từng dâng thư lên vua xin cho sửa đúng lại văn tự của Ngũ Kinh, có nói rằng: Cổ Văn thật gần với tiếng tục, lại giáng xuống bậc tiểu học thật đáng hại vậy (Ban Cố trong Hán Thư cho là tiểu học). Bàn tôi thuở bé theo học với thầy, đến năm mươi tuổi mới biết chữ nhiều sai quấy. Nhân bực đọc viết quyển Tự Thư để đính chính. Mới hay người đời còn viết sai và lầm lẫn rất nhiều, như các chữ Trần Trận (陳陣), Hoa Hoa (花華), Lịch Lịch (曆曆), Phụng Bổng (奉俸) dùng tiếng tục ngược

chủ đề mà làm sai trái cái đúng của Kinh Sử (như Luận Ngữ nói “chiến trận”, các sách đều viết Trần (陳). Nay vận lược lại đưa ra chữ Trận (陣), ở dưới có chú rằng: cũng viết như Trần (陳). Lễ Ký nói: “Cúc Hữu Huỳnh Hoa”, Kinh Thi nói “Thấp Hữu Hà Hoa.” Ngụy Tào Trực làm Thi có câu “Chu Hoa mạo duyên trì.” Nay Vận Lược viết chữ Hoa sau chú: Cũng viết chữ Hoa. Hán thư nói Luật Lịch Chí đều viết Lịch, nay Vận Lược đều viết cả (曆) ra (曆). Hán thư viết “Xan Tiên Phụng Ấp và viết: Quang Võ chiếu, Tặng bách Quang Phụng” đều viết chữ Phụng (奉). Nay Vận Lược trước nêu chữ rồi dưới lại chú: Cũng viết là phụng. Đây đều dùng tiếng tục làm chủ). Lại nhầm lẫn giữa các chữ (Việc viết các chữ này không theo phép sách vở nào mà chính là theo thói tục thông thường có ba điều không chấp nhận. Lại lầm giữa các chữ ... đó là núi núi lửa lửa càng thêm lầm lẫn (đọc là bộc, như câu “Mạnh Tử nhất nhật bộc chi”, “bộc kỳ sở trường ư yên, hựu bộc lộ ư dã” đều đọc là bộc, phải đọc theo âm vận đó, không phải là chữ tiếng tục). Lại như các chữ đó là thêm bớt chấm vạch mà không thành chữ. Đến như chữ Chính Nguyệt (正月) thì đọc thành (疋) chính còn Chiêu mục thì đọc là (thiếu) khác đời vua thì không ký húy nhưng nói về âm nghĩa thì kiêng húy là sao? Trên viết Chánh ( ) Nguyệt lại đọc là Chính cũng đọc là Chỉnh ( ) Kinh thi lại viết đúng chữ Chánh nguyệt. Đời cho Tần Thủy Hoàng tên húy là Chính nên đọc tránh là Chỉnh. Đây là do kiêng tên húy của Tấn Văn Đế là Chiêu mà đọc là Thiều. Song Chiêu Mục chính

là lấy cái nghĩa Chiêu Minh. Chu Hối Am khi giải thích kinh đều dùng đúng chữ, hai chữ Chinh Thiệu này đều do Lục Đức Minh giải thích văn không biết nên có cái lỗi sửa đổi cắt bớt. Với tên húy của các vua đã mất hoặc không ra lệnh bắt kiêng húy thì lại kiêng húy, còn Đức Thánh Khổng là thầy muôn đời thì lại không biết kiêng húy. Nho giáo từ xưa nay không biết xấu hổ! Phật và Thiền cũng lấy từ sách Phật mà không rút ngắn lại, còn Tăng và Phạm cũng từ sách Phật mà đặt ra Thiên vận là sao? (Tiếng Phạm nói Phật-đà, Hán dịch là Giác Giả. Tiếng Phạm nói là Thiên-na, Hán dịch là Tịnh Lự, hai chữ này không rút ngắn lại (thu). Tiếng Phạm nói Tăng-già, Hán dịch là chúng. Phạm là Thanh Tịnh ly dục. Nay trong vận thì hai chữ này rút ngắn). Thế mới biết việc thêm về Ngọc Thiên của Tôn Cường (đời Lương, Cố Dã Vương soạn bộ Ngọc Thiên, đời Đường, Tôn Cường thêm chữ, phần nhiều lấy ở sách tục). Việc thêm về Quảng Vận của Tôn Miếu (đời Đường, Tôn Miếu soạn bộ Quảng Vận phần nhiều thu nhặt chữ Tục. Cùng với Đinh Độ ở Triều Tống ta soạn bộ Tập Vận đều trích dẫn rộng các sách Tục, bề cong chánh thể khiến ý xưa của kinh sử tối tăm khó hiểu. Mối nguy lớn của các Tự Thư này phải đợi các chí sĩ sửa đúng lại không? Nay xem Âu Dương Tu làm lời tựa cho Bộ Vận Tổng, bảo là có thể sửa đúng sự lầm lạc mọi nơi, nhà Nho không thể bắt bẻ nên tôi thâm cảm kích, tiếc rằng không gặp được sách ấy (thấy ở Lục Nhất Cư Sĩ Tập). Huỳnh Thái Sử nói: Người Ngụy Tấn chỉ biết dùng chữ để viết mà không cần biết căn nguyên của chữ ấy. Như các chữ đều không thành chữ. Trong Tư Lăng Hàn Mặc Chí có nói: Cách viết chữ không thời nào tệ như thời triều Tống ta, thật đúng thay! Rõ là bậc Thánh học có nhận thức sâu xa vậy! (Cao Tông lăng hiệu là Vĩnh Tư).

**Đời Anh Tông:** (anh của Nhân Tông, con thứ mười ba của Vương, ngày hai tháng giêng là tiết Thọ Thánh), chôn ở Vĩnh Nguyên Lăng.

Năm Trị Bình thứ hai, vua ra lệnh ở chùa Đại Tướng Quốc tạo bia ghi về Tam Triều Ngự Chế Phật Nha Tán. Hàn Văn Học Sĩ Thần Vương Khuê soạn lời văn bia, Tả Bộc Xạ Ngụy Quốc Công Thần Giá Xương Triều viết chữ, Hữu Bộc Xạ kiêm Dịch Kinh Nhuận Văn Sử Vệ Quốc Công Thần Hàn Kỳ lập bia đá. Vua Thái Tông ngự chế rằng:

*Nhiều kiếp công thành nét chữ in  
Không là tai nạn ở Nam Sơn  
Thân vàng rực rỡ bao phen thấy  
Một mảnh ngọc linh sáng tay nâng.*

*Lúc luyện tinh thần trăm lửa sáng  
 Ngàn năm dẫu cát ngọc còn nguyên  
 Định quả huân tu đầy bí mật  
 Chánh tâm dâng hiến chớ coi thường.*

Vua Chân Tông ngự chế rằng:

*Ở cõi Tây phương Phật Thích-ca  
 Từ bi tế độ đời tôn kính  
 Con luôn tiến tu thêm diệu quả  
 Ngõ hầu lợi ích khắp quần sinh.  
 Vua Nhân Tông ngự chế rằng:  
 Tam Hoàng thân xác tan trong đất  
 Ngũ Đế hình hài hóa bụi trần  
 Khổng Tử trong mồ khoe là Thánh  
 Lão Đan thoát tục gọi quy chân.  
 Thân chôn chỉ thấy trong huyết trống  
 Lấy gì để chỉ hậu sinh tin  
 Chỉ có Phật ta còn xá-lợi  
 Trải ngàn năm sắc vẫn còn tinh.*

Năm Trị Bình thứ ba, ngài Tịnh Nhân Liễu Thiền sư xin vua được về núi A-dục Vương ở Tứ Minh, vua ban cho tờ chiếu chính tay vua viết rằng: “Khắp các tự viện trong thiên hạ Sư muốn ở đâu tùy ý.” Sư bèn lập Thần Khuê Các để thờ Thánh Chế của Tiên triều (Thi Tụng của vua Nhân Tông có đến mười bảy thiên). Học Sĩ Tô Thức làm bài Ký, nhân gửi thư hỏi Sư lời vua ghi trong chiếu viết tay đó. Sư nói không có. Sau khi Sư thị tịch mới tìm thấy tờ chiếu ấy trong cái sọt vuông. Tô Thức nghe việc bảo rằng: Thật là một bậc đạo đức.

Năm thứ tư, vua ra lệnh các Tự Viện trong thiên hạ có đến ba mươi ngôi đều được ban Ngạch đề chữ “Thọ Thánh.”

**Đời Thần Tông:** (con cả của Anh Tông, mẹ là Tuyên Nhân Thánh Liệt Hoàng hậu, họ Cao. Vua sinh ngày mười tháng tư là tiết Đồng Thiên, chôn ở Vĩnh Dụ Lăng).

Năm Hy Ninh thứ nhất, tháng bảy, Quan Tư Giám Tiền Công Phụ tâu vua: Tự Bộ gặp năm đói kém vì vỡ đê, xin vua cho cấp Chúc Điệp Độ (có lệ phí) để cứu nạn gấp nhất thời. Từ nay trở đi các ban tặng trong các Thánh Tiết đều giảm bớt. Chúc Điệp có bắt đầu từ đây.

**Bàn rằng:** Từ xưa các hàng xuất gia từ đời Hán Minh Đế đến nay đều do ân nước mà được độ. Như đời Tùy Văn Đế, một năm độ đến

năm mươi vạn người. Đời Đường, vua Thái Tông cảm được lời nói cần người hoàng pháp của ngài Tam tạng Huyền Trang liền độ đến một vạn bảy ngàn Tăng. Vua Duệ Tông cũng độ được ba vạn người. Vua Thái Tông triều Tống ta cũng phổ độ đến mười bảy vạn đến hai mươi bốn vạn người. Đây là đại lược về nhờ ân vua mà được độ. Đến đời Đường Trung Tông mới ban chiếu khắp thiên hạ phải thi Kinh để độ Tăng, cũng như nhà Hán mở khoa thi lấy học trò rất đáng chuộng vậy. Các vua Thái Tông, Chân Tông, Nhân Tông nhà Tống ta đều mở khoa thi Kinh. Do đó rất hưng thịnh, chưa nghe nói nhờ tiền đổi lấy được bậc cao thượng ở chốn sơn lâm. Từ đời Đường Túc Tông thì theo lời tâu xin của Tể Tướng Bùi Miện: Vì lúc mới dùng binh nên phải có Chúc Độ Diệp, cũng như đời Hán Minh Đế nộp lúa thóc giúp biên giới để được ban tước. Theo ân vua nhưng cũng có thể chọn lựa người. Vì ai thi Kinh đều là người có tài. Đến như việc thâu của lót để cho làm Tăng thì kẻ giàu có thể mặc tình thỏa ý, gây ô tạp cho kẻ tinh tấn thật là bất hạnh cho pháp môn ta! Công Phụ vì thời buổi khó khăn mới khuyên vua cắt giảm ân tứ gây nên việc mua bán mở đầu là một nguồn lợi mà đến nay chưa thể dẹp bỏ được. Luật nói: Các phương khác có việc Thanh tịnh dù không thuộc pháp chế của ta nhưng không được không làm, bởi là nghĩa này vậy.

Năm ấy trong thiên hạ có hai mươi hai vạn sáu trăm sáu mươi vị Tăng và ba vạn bốn ngàn ba mươi vị Ni.

Năm Trị Bình thứ tư, ngài Minh Giáo Đại sư Khế Trung viên tịch tại chùa Linh Ẩn ở Tiền Đường, khi hỏa thiêu thì mũi, lưỡi, mắt, tai và râu chui, năm thứ ấy không hư hỏng. Lúc đó chúng muốn thử nghiệm, bèn đem lửa dữ đốt lại, năm vật ấy càng rắn.

Năm thứ năm, vua ra lệnh cho Quan Âm Viện ở chùa Thiên Trúc tại Tiền Đường, mỗi năm độ một Tăng để phụng thờ hương lửa (Thượng Trúc Kỷ Thắng).

Tháng bảy, Âu Dương Vĩnh Thúc từ khi làm quan ở Dĩnh Thượng hằng ngày cùng Sa-môn giao du, nhân đó tự gọi là Lục Nhất Cư sĩ, gọi văn ông viết là Cư Sĩ Tập (Âu Công tự làm truyện rằng: Nhà ta chứa sách một vạn quyển, các tập Lục từ Tam Đại trở đi, các di văn Kim Thạch có cả một ngàn quyển và cờ một bàn, đàn một cây, lại thường có rượu một bầu và ta một thân cùng già đi với năm thứ ấy). Rồi ông tĩnh tâm ngồi sùng, bỏ cả rượu thịt. Trước ngày lâm chung mấy hôm, ông bảo đem ông đến ngôi chùa gần đó, nhờ đọc kinh Hoa Nghiêm đến tám quyển, rồi an nhiên mà hóa (thấy trong Ngoại Truyện). Vĩnh Thúc thuở

xưa khi mới ra làm quan rất khổ vì có nhiều bệnh. Có lần ông mộng thấy đến một nơi có mười người đội mũ miện mà ngồi. Một người bảo: “Tham Chánh sao được đến đây?” Vĩnh Thúc hỏi: “Các vị có phải là mười vua Thập điện ở Âm Phủ của Nhà Phật đó chăng?” Đáp: “Đúng là chúng ta đây”. Nhân đó Tu hỏi: “Ồ đời người ta cúng dường chư Tăng và tạo kinh có lợi ích chăng?” Đáp: “Sao không lợi ích”. Rồi ông thức dậy thì bệnh liền hết. Từ đó ông càng tôn kính Phật (Khu Mật Phó Sư là Ngô Sung viết về hành trạng của Dương Tu nói rằng: Việc này do cháu ông nói lại).

**Bàn rằng:** Cư sĩ là tiếng gọi người học đạo Phật ở Tây Trúc. Vĩnh Thúc đã gặp được Sư Tổ Ấn mà tâm bài Phật tiêu tan nên tâm hiểu được ý chỉ, do đó ông thường tự gọi là Cư sĩ, cũng lấy tên ấy mà đặt cho Tập Văn của mình. Đốc lòng tin Đạo đến thế là cùng! Song kể chuyện về Lục Nhất mà bảo một thân cùng già đi với năm vật, thì năm vật kia là vật ở ngoài thân há đủ để ngụ cho các Đạo. Thế thì biết tiếng gọi Cư sĩ kia có thể là lạm dụng, bởi do hám danh mà mất đi thật chất. Lương Chử nói: Âu Dương Tu tự xưng là Đại Nho mà không có thông thức. Lấy cớ là khi lập luận có sai trái mà bị các kẻ quân tử đương thời công kích. Như luận sai lầm về việc truy tôn vinh Bộc Vương là Hoàng Khảo. Vua Anh Tông lên nối ngôi không theo lễ Nhân Tử (Anh Tông vốn là cha đẻ của Bộc Vương lên nối ngôi Nhân Tông, Vương Khuê luận rằng nên gọi đó là Hoàng Bá. Âu Dương Tu xin như Hán Tuyên Đế Quang Võ được xưng là Hoàng Khảo. Phạm Trấn tâu vua rằng: Đã là Khảo (cha đã chết) của Nhân Tông, lại là Khảo của Bộc Vương thì không hợp lý, vậy nên theo lời nghị luận của Vương Khuê. Tư Mã Quang tâu vua rằng: Âu Dương Tu xảo thuyết nên vua lầm nghe, vậy phải theo lời nghị của Vương Khuê. Lã Hối Thập Nhất tâu vua rằng: Xin y theo Vương Khuê. Vua không trả lời. Bèn cùng với Phạm Thuần Thần Lã Đại Phưởng cùng tâu rằng: Âu Dương Tu là kẻ đứng đầu luận sai trái. Hàn Kỳ càng làm sai thêm. Vậy xin vua hạ chiếu cho Dương Tu phải sửa lỗi. Nhưng cuối cùng vua nghe theo lời luận của Dương Tu. Sau đó vua Thần Tông truy tôn vinh khác với Hán Tuyên Đế. Dem việc hỏi Ngô Khuê, Khuê thưa: Đây là cho phát xuất từ ân riêng. Thần Tông nói: Lúc đó ta bị Âu Dương Tu làm cho hiểu lầm. Ngô Khuê thưa: Hàn Kỳ đối với việc này cũng làm mất lòng mọi người). Bảo rằng thấy Phật hiện tại không lạ Phật quá khứ là vu cáo Thái Tổ và Chân Tông không tôn kính Phật pháp (trong Âu Dương Quy Điền Lục có chép: Vua Thái Tổ vào chùa hỏi Sư Tán Ninh rằng: Phật đáng lạ chăng? Ninh đáp: thấy Phật hiện



tại không lạy Phật quá khứ. Nay rõ lại là Sư Tán Ninh theo Ngô Việt Vương về kinh sư, ở triều vua Thái Tông mà chưa từng gặp Thái Tổ. Việc chép đối trá trong Quy Điền lại được chép trong hội Yếu Quốc Sử. Việc khen vua Chân Tông mỗi khi tiết Thượng Ngươn thường đến khoảng ba mươi Tự Quán và lạy cả trăm lạy trở lên há Âu Dương Tu không biết sao mà lại chép bậy trong Quy Điền Lục để trên thì vu cáo cho hai vua dưới thì vua cáo cho Tán Ninh. Lỗi này không phải nhỏ vậy). Cắt bỏ việc Đường Thái Tông ban chiếu cất chùa cầu siêu độ cho Tướng Sĩ, bỏ đi sự thực mà các Sử Quan đã ghi chép (năm Chánh Quán thứ ba, vua Đường Thái Tông ban chiếu: “Từ khi khởi nghĩa đến nay các người đánh trận đã mạng vong thì vì họ mà xây chùa để cầu phước siêu độ.” Năm thứ tư, việc xây chùa ở bảy nơi chiến trận đã xong, vua liền sai Lỗ Thế Nam, Sầm Văn Bản... bảy người soạn văn bia cho bảy chùa. Việc này có chép trong cựu sử, nhưng Âu Dương Tu đều cắt bỏ đi. Năm Kiến Long thứ hai Triều Tống ta, vua ban chiếu ở Dương châu cũng xây chùa Kiến Long để cầu siêu độ cho các Tướng sĩ đã hy sinh giống như việc xưa của Đường Triều. Sau đó Vương Vũ Xứng soạn văn bia. Chiếu vua năm Kiến Long là chỉ cho việc xưa của Đường Triều. Nay tìm khảo ở Tần Thư (Sử do Dương Tu sửa lại) thì không có gì để căn cứ. Khiến người đời sau nếu có bộ Tống Sử của Âu Dương Tu thì tất bỏ đi lời chiếu năm Kiến Long vậy. Ông (Dương Tu) cho rằng Hà Đồ Lạc Thư là quái dị đối trá không đáng tin, nó trái nhau với Dịch của Hệ Từ Luận Ngữ (thấy trong Cư Sĩ Tập, Luận Dịch Thiển). Đến như việc ông làm bộ Bản Luận bài xích Phật pháp cho là tai nạn của Trung Quốc, nhưng lúc tuổi già thì ông lại kính ngài Minh Giáo, phục ngài Viên Thông, xưng là Cư Sĩ, đọc kinh Hoa Nghiêm. Cuối cùng là tự phản lại với lời nói trước kia của mình. Cũng giống như Hàn Thoái Chi trước thì bài bác Phật mà sau lại tin phục. Thật đạt thay lời của Tử Chiêm luận rằng: “Hàn Dũ đối với Đạo của Thánh nhân bởi cũng do hám danh mà không ưa sự thực, lời luận của ông về lý lại không tinh tường, luôn luôn tự phản bội với lời nói của mình mà không biết.” Nay xem sự việc trước sau của Âu Dương Tu tất không trốn được lời luận bình của Tử Chiêm trên.

Vua ban chiếu Hành Châu đón rước tháp ngọc ở chùa Tư Phước tại Thường Ninh vào kinh Sư. Tháp cao một tầm làm bằng ngọc thạch là tháp thứ chín do A-dục vương tạo ra. Ban đêm có người thấy phóng lên ánh sáng. Nếu ai đến chiêm lễ tất được xá-lợi. Có Sa-môn Thành Tầm từ nước Nhật Bản đến triều cống.

Năm Hy Ninh thứ sáu, ở chùa Linh Sơn tại Thiên Trúc, ngài Hải



Nguyệt Đại sư Tuệ Biện chấp tay ngồi mà tịch. Trong di chúc đòi Tô Đông Pha phải đến đây nắp khám, bốn ngày sau Đông Pha đến thì thấy ngài ngồi kiết già như còn sống, bèn làm ba bài thi để điếu (muốn tìm dấu cũ mượn y trang. Đã vốn vô sinh sao tử vong. Đêm nay trăng sáng Sư vẫn giảng, Sân xưa sương lạnh trăng mơ màng. Chỉ chọn một bài trong tập). Trước đó Học sĩ Thẩm Ngộ cai trị đất Hàng vì trọng tài đức của Sư nên bổ ngài làm Đô Tăng Chánh. Thông Thú Tô Thức viết lời tựa nói rằng: Ở Tiền Đường Phật Tăng thanh hành nhất thiên hạ, nhưng bậc Đạo đức tài trí cùng sống lẫn lộn ở một nơi với kẻ tầm thường dối lừa xảo trá, thật là khó độ. Cho nên ngoài Tăng Chánh Phó ra nay riêng bổ nhiệm một vị Đô-Tăng Chánh để coi về sổ sách xét Điệp Độ chuyên trách tới lui đưa đón. Và các việc dưới quyền Chánh Phó Tăng Thống thì vị Đô Sư này coi tổng quát, đem hạnh giải để làm gương cho chúng mà thôi. Khi Sư đã nhậm chức, phàm các Tự Viện thuộc quyền quản lý của mình thiếu người giảng kinh thì Sư chọn ngày hội các chùa và các bậc hạ tọa tài giỏi, mở khoa sát hạch nghĩa lý kinh điển. Trong mười câu hỏi ai đáp đúng năm câu thì được trúng tuyển, ai không đáp được ba câu thì giáng cấp, sau đó tùy tự viện mà thứ tự bổ nhiệm cấp bậc khác nhau. Do đây mà Chư Sơn đều ngưỡng mộ lấy đó làm quy tắc.

Năm Hy Ninh thứ tám, tháng bảy, các Công Khanh ở Triều lập Hội Vu Lan Bồn ở chùa Khai Bảo từ ngày mùng năm đến ngày rằm tháng bảy thì xong. Chủ Khách Dương Kiệt có làm bài Ký.

Năm thứ chín, vua ra lệnh ở tháp Linh Cảm tại chùa Khai Bảo xây cất gác Khánh Thọ Sùng Nhân, ở giữa dựng tháp gỗ. Vua viết chữ Triện đề ở tháp là “Hồng Phước Viên Thành.”

Năm thứ mười, mùa Hạ có hạn hán, vua ở trong cung cấm thiết trai cầu đảo rất chí thành. Đêm đến mộng thấy Thần tăng cỡi ngựa chạy trên không miệng phun ra mây mù. Khi thức dậy thì trời mưa to. Vua ra lệnh tìm hình tượng vị Tăng ấy thì đúng là vị La-hán thứ mười ba ở trên gác chùa Tướng Quốc. Vua ban chiếu đón rước Tượng vào Nội Cung để cúng dường. Tể Tướng Vương Khuê làm thi để mừng có câu rằng: Nhìn sao tôi hiền luôn trông mưa, làm mây Thần Tăng đáp thỉnh cầu (Đông Hiền Bút Lục).

Năm Nguyên Phong thứ nhất, tháng ba ở Hàng Châu, ngài Lôi Phong Tuệ Tài Pháp sư vì một ngàn người đạo tục ở Linh Chi Nguyên Chiếu mà truyền cho giới Bồ-tát. Trong lúc Yết-ma thấy tượng Đức Quan Âm phóng quang cả giảng đường sáng trưng. Ngài Tịnh Từ Pháp Chân Thiền sư đứng hàng thứ nhất làm bài Giới Quang Ký Mễ Phát

Thư. Ngài Biện Tài Pháp sư lập bia đá ở Long Tĩnh.

Năm thứ hai, khi xưa Giá Bộ Lang Trung Chu Thọ Xương, lúc bảy tuổi không biết mẹ ở đâu, bèn chích máu viết kinh Phật rồi đi tìm khắp bốn phương. Đến năm mười tuổi thì bỏ quan vào nước Tần, gặp được mẹ ở Đông Châu, khi ấy tuổi đã bảy mươi. Tô Thức lúc đó bị trích giáng ra ở Huỳnh Châu gửi thi mừng. Người thời ấy cho rằng Thọ Xương có hiếu mà được như thế.

Năm thứ 3, tháng giêng, vua ra lệnh cho đại nội thiết trai đãi ngàn Tăng, cúng thí Y Ca-sa và Kinh Kim Cang để cầu siêu độ cho Từ Thánh Thái Hậu. Vua ban chiếu nên định rõ lại quan chế triều nghi từ đời Đường cho đến Triều Tống ta, hễ Tăng hay Quan Dịch Kinh thì đều trao cho chức Thí Quang Lộc Khanh hoặc Hồng Lô Khanh. Từ nay về sau đổi ban là Dịch Kinh Tam tạng Pháp sư, còn hàng Thí Thiệu Khanh thì ban tên là Tam tạng Pháp sư (theo Hồng Dung Trai Tam Bút).

Vua ban chiếu đổi Đông lâm Luật Viện ở Giang Châu làm Thiên Tịch (nơi giảng thiền) mời Thường Tổng Thiền sư đến ở. Người trong chùa bảo nhau rằng: ngài Tuệ Viễn có Sấm Ký rằng: Sau khi ta diệt độ bảy trăm năm sẽ có Nhục Thân Đại sĩ đến ở đổi đạo tràng này. Nay Tổng Công đến thật là linh ứng. Tô Đông Pha đến Đông Lâm làm thi tặng rằng:

*Trong khe nghe tiếng lười rộng dài  
Sắc núi há không phải thân Như Lai.  
Đêm giảng tám muôn bốn ngàn kệ.  
Được giống như ngài nay có ai?*

Kinh Công Vương An Thạch hỏi Văn Định Trương Phương Bình rằng: Khổng Tử qua đời một trăm năm mới sinh Mạnh Tử, sau đó thì tuyệt không có ai nữa, hoặc nếu có thì không phải là hạng Thuần Nho. Phương Bình nói: Đâu phải không có người, lại còn hơn cả Mạnh Tử nữa! Thạch hỏi: Ai vậy? Phương Bình đáp: Đó là Mã Tổ ở Phần Dương, Tuyết Phong ở Nham Đầu, Đơn Hà ở Vân Môn... An Thạch chưa hiểu ý. Phương Bình nói: Nho Môn đối xử lạnh nhạt nên không ở và đều trở về với Đạo Phật. An Thạch mừng rỡ thán phục. Về sau tìm việc nói lại với Trương Thương Anh, Trương vỗ ghế khen rằng: Chí lý thay lời luận ấy!

Kỳ Công Đỗ Diễn cho rằng Trương Phương Bình nịnh Phật nên thường cười trách. Có ông thầy thuốc Chu Sinh cùng chơi với hai ông (Diễn và Bình). Một hôm Kỳ Công cho gọi Chu Sinh đến bắt mạch. Sinh nói với Sứ giả hãy về thưa với ông là “Chỉ nói xem Lãng-nghiêm

chưa xong.” Đến khi Sinh đến vái chào mời ngồi, Kỳ gọi bảo: Lão phu vì mới quen ông nên không để ý, gần đây cũng lơ mờ. Lời nói kín nhiệm của Thánh nhân tất không ngoài Khổng Mạnh, còn Kinh Lăng-nghiêm thì nói những gì? Chu Sinh đáp: Ông chưa đọc kinh này sao biết không bằng Khổng Mạnh? Nhân đó rút trong tay áo ra đưa cho ông quyển kinh ấy. Kỳ Công dỡ xem bất giác đọc hết quyển, cả kinh nói rằng: An Đạo biết mà sao không bảo cho ta? Rồi lên xe đến gặp (Phương Bình tự là An Đạo). An Đạo nói: “Cũng như mất vật bỗng tìm lại được, chỉ nên mừng đã tìm lại được đừng tiếc là quá muộn!”

Trương Thương Anh thuở xưa làm quan, nhân vào chùa Tăng thấy Tạng Kinh xếp ngay thẳng liền bực tức bảo rằng: Giáo của Thánh Khổng ta không bằng sách của người Hồ chằng? Rồi suốt đêm ngồi suy nghĩ mãi với bút giấy ở trên gác. Người vợ họ Hương hỏi: “Ông sao không đi ngủ?” Thương Anh bảo: “Ngay bây giờ ta sẽ làm Vô Phật Luận”. Vợ bảo: “Đã nói không Phật còn luận gì nữa? Vậy nên viết Hữu Phật Luận có được không?” Thương Anh làm thình rồ thôi. Sau đến Đồng Liệt thấy trước Khám Phật có quyển kinh Duy-ma-cật thuận tay mở xem thấy có câu: “Bệnh này không phải địa đại mà cũng không lìa địa đại” thì bỗng nhiên tâm đắc. Nhân đó mượn về xem kỹ. Bà vợ bảo: “Đọc Kinh này mới có thể làm Luận Vô Phật”. Thương Anh nghe nói mà đại ngộ. Do đó càng tin Đạo hơn. Sau ông làm vận lương thực ở Giang Tây, bèn đến yết kiến Đông Lâm Tổng Thiền sư rồi nhờ Sư ấn khả. Nhân ông tra xét bộ phải đến Phần Ninh, các Thiền sư ra đón rước. Cuối cùng ông gặp được Đâu-suất Duyệt Công. Thương Anh thấy Sư người thấp bé dễ gần gũi bèn hỏi: “Nghe đồn Sư thông minh và giỏi văn chương?” Duyệt cười to bảo: “Vận Sứ sao nói quá lời. Tùng Duyệt là cháu chín đời của ngài Lâm Tế đối với Vận Sứ mà luận văn chương khác nào Vận Sứ đối với Tùng Duyệt tôi mà luận về Thiền đâu!” Thương Anh ngậm xấu hổ, nhưng giả bộ như không hiểu mà hỏi rằng: “Sư là Lâm tế chín đời ư?” Đêm đó ông nghỉ tạm ở thất của Đâu-suất cùng nói chuyện về Tông môn. Đến nửa đêm Duyệt đốt hương thỉnh mười phương chư Phật chứng minh, rồi bảo Thương Anh rằng: “Ngài Đông Lâm đã ấn khả cho Minh Công rồi đấy. Minh Công đối với ngôn giáo Phật Tổ có nghi ngờ gì chằng?” Thương Anh nói: “Hương Lâm Cực Tụng, Đức Sơn Thất Bát Thoại chưa thể không nghi” Duyệt nói: “Chỉ như câu cuối là có hay không?” Thương Anh đáp: “Đâu chằng phải có”. Duyệt cười to trở về Trượng thất đóng cửa mà ngủ. Thương Anh trần trọc mãi không ngủ được. Đến canh năm bước xuống giường rồi lại bước lên giường chọt có

tĩnh ngộ, bèn làm Tụng rằng:

*Trống yên chuông lặng nâng bát lên  
Đầu non một tiếng nói sấm rền  
Quả nhiên chỉ được “Tam niên thoai”  
Thọ ký đây rồi thật cũng nên!*

Bèn đến gõ cửa Duyệt bảo rằng: “Thương Anh đã bắt được giặc rồi”. Duyệt hỏi: “Giặc ở đâu?” Thương Anh không đáp. Sáng hôm sau lại đọc bài Tụng ấy. Duyệt nói: “Bệnh Tham Thiền là mạng căn không đứt nường vào lời nói mà sinh hiểu biết. Nói như thế thì ông đã thâm ngộ. Song đến chỗ cực vi tế thì khiến người không hay không biết mà rơi vào một khu vực”. Sau Duyệt làm Tụng để chứng rằng (dịch nghĩa rằng):

*Nhàn rồi đi đâu bước bước như  
Dù chỗ thanh sắc mặc hữu vô  
Một tâm không đối, vật không khác  
Không phân thể dụng, không tinh thô.  
Gặp Cơ không ngại, vật không chấp  
Hết tình thị phi, phàm Thánh bỏ  
Ai đắc ai thất đâu thân sơ  
Lấy đâu làm đuôi, thật là hư.  
Quay mình là ma, trở gót thuận tà  
Hiểu không nghịch thuận, thuận công phu.*

Thương Anh mời Duyệt đến Kiến Xương, giữa đường mỗi mỗi đều xem xét kỹ. Có mười Tụng nêu thứ tự các việc. Duyệt cũng đáp lại bằng mười Tụng. Truyền chỉ nhau về Pháp môn cho là việc quan trọng (từ trên là ba việc, thấy trong Tông Môn Võ Khố). Thương Anh đã thấu đạt được Thiền Đạo có lần bảo người rằng: Ta học sau đó mới biết Nho.

Ở Hàng Châu, Tịnh Từ Tông Bản Thiền Sư, mùa Hạ xuất định. Có Đạo Nhân mặc áo cỏ đến nhà trên. Bản nhìn rồi bảo: “Chuyện cũ Huỳnh Long đâu chẳng giống ư?” Người ấy cười bảo: “Tiền Đại sao lấm lời thế!” Rồi cỡi gió mà đi nhanh. Người mặc áo cỏ là Lữ Động Tân, còn Tiền Đại là tiền thân của Tông Bản vậy (Phổ Đăng Lục).

Tháng tám, Quán Chức là Văn Đồng (tự là Dữ Khả) tắm gội, đội mào thất đai lưng ngồi ngay mà hóa. Người đồng Quán là Thôi Công Độ nghe đồn kinh dị bảo người rằng: Mới hôm qua tôi từ biệt Dữ Khả ở Châu Nam, ông ấy bảo rằng: “Sáng mai lại đến mà!” Khi trở lại thì Dữ Khả từ rằng: “Kinh nói người nào không nói dối thì lưỡi sẽ trùm mặt”,

rồi ông lè lưỡi ra thì lưỡi dài đến chân mày, có ba lớp như cái bánh. Công Độ kinh hãi. Nay nghe nói ông chết thì lại càng kinh dị tin chắc là người đã đắc đạo. Dữ Khả là người ở Tử Đông, văn hạnh rất cao khiết, ông vẽ trúc đạt đến mức diệu thú (theo Đông Đo Sự Lược và Văn Nghệ Truyện).

Năm Nguyên Phong thứ tư, Tô Thức ở tại Hoàng Châu làm bài Ký về xá-lợi. Triệu Tiên Sinh nói rằng: Ở Nam Hải có Phan Miện khùng khịu không chừng, người thường gọi là Phan Áng. Bởi người quê gọi Tâm Phong (khùng điên) là Áng. Áng cùng Kinh Sư nói kệ tụng Pháp Hoa qua lại với nhau, bảo rằng: Áng là Đức Phật Nhật Quang vậy.

Có người Triệu Thường xưa là Mạc Quan, nhân bỏ Quan theo Áng đi chơi. Áng bảo: “Ông đã được hết Đạo của ta”, rồi biến mất. Triệu Thường cũng ngồi mà hóa. Khi hỏa thiêu thì được xá-lợi mấy thăng. Tô Thức cùng chơi với con của Triệu Thường là Xưởng được bốn mươi tám hạt xá-lợi.

Năm thứ năm, vua ban chiếu ở chùa Tướng Quốc mở rộng sáu mươi bốn Viện làm tám Thiền và hai Luật theo thứ tự Đông Tây thì Tuệ Lâm và Trí Hải là hai chùa lớn nhất. Vua ban chiếu mời ngài Tịnh Từ Tông Bản Thiền sư đến ở chùa Tuệ Lâm mà mời ngài Đông Lâm Thường Tổng Thiền sư đến ở chùa Trí Hải. Ngài Thường Tổng từ chối, vua chấp nhận. Khi ngài Tông Bản vào đối ứng với vua ở điện Diên Hòa thì ngài gọi to một tiếng Núi, rồi đến giường ngồi kiết già. Thị vệ cả kinh nhìn lại thì Sư vẫn tự nhiên như cũ. Vua ban cho trà thì Sư nâng chén lắc mạnh. Vua hỏi Sư thọ nghiệp với ai. Sư thưa: Thừa Thiên Vĩnh An (Viện Vĩnh An ở chùa Thừa Thiên tại Cô Tô) Vua rất mừng. Chuyện vãng hồi lâu rồi Sư lui về. Vua nhìn bảo: Đây là vật báu trong Tăng. Thị giả hỏi Sư: Chúa Thượng nói gì? Sư nói: Cùng uống trà nhàn đàm mà thôi.

Năm Nguyên Phong thứ bảy, Thái tử Thiếu Sư Triệu Biện khi xưa là bạn phương xa với ngài Pháp Tuyên Thiền Sư. Khi ông coi Thanh Châu thì theo học tâm yếu với Trọng Nguyên Thiền sư (Sư ở chùa Thiên Bát nối ngài Thiên Y Hoài Thiền Sư), có lần ngồi dựa ghế ở Công đường tâm ngưng lắng như nước đọng () chợt nghe tiếng sấm nổ vang thì khoát nhiên tỉnh ngộ, ngược đầu nhìn lên hư không thì thấy rõ các cõi nước ở khắp nơi. Sau ông từ quan về quê, cất một trai đường để ở, cùng giao du với Cao Tăng Dật Dân. Tháng tám năm ấy có sao lớn sa xuống ở trước sân nhà. Sáng hôm sau ông thức dậy cùng với con nói năng bình thường, bỗng ông ngồi kiết già mà hóa (Tô Đông Pha kính

trọng ông làm bài bia Thần Đạo, thấy ở Phổ Đăng Lục).

Kinh Công Vương An Thạch xin vua lấy vườn nhà ở Phủ Giang Ninh làm chùa Tăng, vua ban Ngạch là Báo Ninh Thiền Viện. Khi xưa con của Vương An Thạch là Phương Bản tánh hiểm ác. Khi cha còn đương quyền, tất cả những chính sách khắc nghiệt trong nước giết hại người đều do Phương xui khiến. Khi chết rồi Vương An Thạch trong lúc mơ màng thấy Phương bị đóng gông sắt rất khổ sở, đến báo cha xin cầu Phật cứu. Vương An Thạch cả kinh bèn gấp xây chùa để cầu cho vong thoát khổ.

### **PHẦN PHỤ CHÚ ở các trang 408 - 409 - 410 (Hán văn)**

[Chú số 6] - Vua mời Đạo sĩ Chu Tự Anh ở núi Cú Khúc vào Cung Khuyết ban cho hiệu là Quán Diệu Tiên Sinh. Khi xưa vua Chân Tông thấy việc Thừa Tự bỏ trống đã lâu bàn sai Chu Tự Anh thăng thần dâng tấu chương lên Thượng đế, thì thấy Tam Mâu Chân Quân ngồi xe báu giáng hạ. Vua hỏi Tự Anh: Đến đây làm gì? Anh tâu: Thần cầu tự cho nhà Đại Tổng thì thấy Mâu Quân gạt đầu, bèn dâng tấu chương lên Thái Thượng. Thái Thượng ban sắc rằng Mâu Doanh lo nước thương dân, vậy nên nối dòng nhà Tổng. Năm sau thì Nhân Tông sinh (Cú Khúc Động Thiên ở huyện Cú Dung tại Nhuận Châu. Tam Mâu làm vua cai trị ở núi này anh cả là Mâu Doanh, hai em là Cố và Hoài. Thấy rõ trong Thông Tắc Chí, quyển một).

Có Khảo Dị bảo rằng: Trịnh Cảnh Vọng Gia Tập nói: Mâu Quân hạ sinh vào nhà Trương Sư Chánh.

[Chú số 7] - Vua ban chiếu cho Tự Thiên Sư Trương Càn Diệu đến Cung Khuyết, vua ban hiệu là Trừng Tố Tiên Sinh. Vua hỏi việc bay đi trên không. Ông tâu rằng: “Đó là việc làm của các bậc chí sĩ ở sơn lâm, nó không giúp ích gì cho việc chính trị giáo hóa”. Vua rất mừng, bèn ra chiếu từ nay một đời chỉ có một người được ban hiệu Tiên Sinh được miễn thuế dịch...

Vua nghe Lam Nguyên Đạo có người biết Đạo Thuật. Vua mời vào gặp và mời nghỉ ở vườn Phương Lâm, ban hiệu là Dưỡng Tố Tiên Sinh. Chưa bao lâu thì bỏ đi đến Nam nhạc. Nơi ông ở, ban đêm có ánh sáng đỏ và nghe có tiếng luận bàn đối đáp. Sáng hôm sau Thị Giả đem việc hỏi, Ông đáp: Thầy ta là Lưu Đạo Quân ở Hải Thiền Tử làm mưa đi ngang qua đây mà thôi.

Có người tên Lưu Trung Minh dạo chơi về Phương Nam ở Hành Sơn đến yết kiến Dưỡng Tố Tiên Sinh và học được thuật của ông, sau



ở trong một ngôi chùa mà thoát xác. Lệnh Ấp đến lạy ở huyết thì nghe trong quan tài có tiếng nói: “Dứt tàn hại dẹp cầu mong, không mạo tài không lụy hình”. Quan lệnh sợ hãi rút lui. Người cùng làng thỉnh thoảng thấy ông ở Đông Đô, hỏi rằng: “Tôi cùng tiên sinh là người đồng làng không nhớ nhau ư?” Trung Minh nói: “Người năm mươi tuổi giống như cái nhà hư, nếu hay hết lòng với Đạo may ra có thể sống lâu, ông nay đã bảy mươi rồi. Bình sinh ông rất ưa việc pháp luật thường giúp người kiện cáo tranh tụng sao còn nói thế?” Ông bèn bỏ đi luôn, không ngó lại.

[Chú số 8] - Hà Tiên Cô ở Linh Lăng. Lúc nhỏ vào núi gặp Lữ Động Tân đưa cho ăn trái đào tiên bèn không biết đời. Cả nhà lấy làm lạ bèn cất lều cho ở. Lữ Tiên thường đến thăm chơi. Tiên Cô biết rõ chuyện lạ đời trước của người đời. Tương Địch Thanh đi Nam Chinh đánh thắng Trí Cao, đến hỏi Tiên Cô: “Đánh thắng chăng?” Tiên Cô đáp: “Rôm sảy vỡ thì mủ chảy ra.” Đến khi Tả Hiệu Tôn Tiết bị vây hãm. Trần Tái ra đánh mới phá được. Trứ Tác Tá Lang là Tiêu Lăng Minh vì hoạn lộ không đạt nên làm tấu chương xin mách bảo. Một hôm được tờ giấy có mười sáu chữ không biết nói gì, đem hỏi Tiên Cô. Cô đáp: “Đó là dấu ấn Nhà trời, hãy mau về nhà đi”. Lăng Minh vái chào Tiên Cô bảo: “Nhận năm lượng, mất bớt mười năm tuổi, giết oan hai người, chết rồi mới phân xử”. Lăng Minh khi về đến nhà thì chết. Có ông sĩ phu đến Linh Lăng, một hôm đến cửa hỏi chuyện tốt xấu. Tiên Cô lánh mặt. Ông mặc y phục trang trọng rồi ngồi mà hóa. Ông có làm bộ Linh Nguyên Chí nói về việc tu dưỡng lưu hành ở đời (Hồ nam Vĩnh Châu).

[Chú số 1] - Trương Bình Thúc ở Thiên Thai, lúc nhỏ học đạo Hồn Nguyên, Long Đồ Lục Tiên Thủ Thành Đô nương đó mà dạo chơi ở nước Thục gặp một dị nhân trao cho Quyết Kim Đơn Hỏa Hầu. Khi luyện Đạo thành rồi thì ông làm bộ Ngộ Chân Thiên truyền ở đời. Ông từng đi khắp tham vấn Thiên môn được đại ngộ. Sau ông đọc bộ Tuyết Đậu Tổ Anh Tập thì tâm địa phát sáng nhanh chóng. Ông làm Ca Kệ để bày ý chỉ, lại nói: “Những kẻ riêng tu Kim Đơn mà không ngộ Phật lý thì đồng với mười Tiên nhân bị báo đi vào các thú như Kinh Hoa Nghiêm đã kể”. Quan Thị Lang Mã Mặc lo việc vận chuyển đường sông ở Quảng Nam cùng theo ông dạo chơi. Chưa bao lâu thì ngồi kiết già mà hóa. Khi đem thiêu xác thì được xá-lợi rất nhiều, màu xanh biếc như đầu gà. Rồi lại thấy ông còn sống. Bình Thúc lấy pháp luyện Kim đơn truyền cho Thạch Thái, Thái truyền cho Tiết Đạo Nguyên... đều là những người đã luyện



được đạo Kim đơn.

**Bàn rằng:** Người học đạo Tiên chấp chặt những điều mình có được. Kẻ biết Đạo Phật là rốt ráo thì rất ít. Như Trương Bình Thúc rõ về Phật tánh, Lữ Động Tân ngộ được Thiền lý, đương thời chỉ có một. Đời nay các Đạo sĩ không biết, bảo Tiên là Dương Hồn, Phật là Âm Hồn. Nếu thuyết này để khiến người đời sau lầm lẫn, đều là lỗi không biết về Phật tánh và Thiền lý vậy.